

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KIÊN LONG

(Giấy phép thành lập và hoạt động số: 0056/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18/09/1995, được sửa đổi bởi Quyết định số 3462/QĐ-NHNN ngày 15/10/2025 và số 2898/QĐ-QLGS ngày 27/10/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 1.22.7/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 12 năm 2025)

Bản Cáo Bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày: 18 tháng 12 năm 2025 tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long (KienlongBank)

Trụ sở chính: số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: (029) 7386 9950

Fax: (029) 7387 7538

Website: www.kienlongbank.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)

Trụ sở chính: Số 43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 38 181 888

Fax: (024) 38 181 688

Website: www.shs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: Ông Trần Ngọc Minh

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số điện thoại: (029) 7386 9950

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KIÊN LONG

(Giấy phép thành lập và hoạt động số: 0056/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18/09/1995, được sửa đổi bởi Quyết định số 3462/QĐ-NHNN ngày 15/10/2025 và số 2898/QĐ-QLGS5 ngày 27/10/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Trụ sở chính: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: (029) 7386 9950

Fax: (029) 7387 7538

Email: kienlong@kienlongbank.com

Website: www.kienlongbank.com

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu: KLB

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: 582.170.526 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá: 5.821.705.260.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Địa chỉ: 02 Trường Sơn, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84 28) 3547 2972

Fax: (84 28) 3547 2970

Website: www.a-c.com.vn

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC – Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Địa chỉ: 389A Điện Biên Phủ, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84 28) 3832 9129

Fax: (84 28) 3834 2957

Website: www.aisc.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)

Địa chỉ: Số 43 phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 38 181 888

Fax: (84 24) 38 181 688

Website: www.shs.com.vn

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	5
1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	5
2. Tổ Chức Tư Vấn	5
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
III. CÁC KHÁI NIỆM	18
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	19
1. Thông tin chung về Tổ Chức Đăng ký Niêm Yết	19
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	20
3. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng	23
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Ngân hàng	25
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:.....	35
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	37
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại thời điểm thực hiện: Không có.....	46
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành:	46
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	47
10. Hoạt động kinh doanh.....	47
11. Chính sách đối với người lao động	97
12. Chính sách cổ tức	100
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	101
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mà có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của KienlongBank và việc niêm yết cổ phiếu.....	104
15. Thông tin về cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	104
16. Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán	

quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.....	104
17. Các thông tin khác liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	104
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	106
1. Kết quả hoạt động kinh doanh:	106
2. Tình hình tài chính	116
3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của KienlongBank.....	127
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	127
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	130
1. Thông tin về cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng:.....	130
2. Thông tin về cổ đông lớn:	130
3. Thông tin về thành viên HĐQT	130
4. Thông tin về Thành viên BKS	156
5. Thông tin về Ban TGD và Kế toán trưởng.....	166
VII. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	181
1. Loại cổ phiếu.....	181
2. Mệnh giá cổ phiếu	181
3. Mã cổ phiếu	181
4. Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết.....	181
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:	181
6. Phương pháp tính giá	182
7. Các loại thuế có liên quan	184
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	186
IX. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ:	186
X. PHỤ LỤC	187
XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN	187

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**

Ông Trần Ngọc Minh	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trần Hồng Minh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Vũ Đặng Xuân Vinh	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch (Bản Cáo Bạch) này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Cáo Bạch.

2. Tổ Chức Tư Vấn**Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí Thành Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 1106/2025/HĐTVTC/SHS.HS.TV ký ngày 11/06/2025 với Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư, chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo trước phần rủi ro bởi các yếu tố rủi ro sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá cổ phiếu của KienlongBank.

Cũng giống như các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam, KienlongBank phải đối mặt với nhiều rủi ro khác nhau, trong đó các rủi ro cơ bản như rủi ro kinh tế, rủi ro luật pháp,... Tuy nhiên với tư cách là tổ chức tín dụng thì KienlongBank còn chịu các rủi ro đặc thù khác như rủi ro tín dụng, rủi ro ngoại hối, rủi ro thanh khoản, rủi ro liên quan đến cam kết ngoại bảng, và các rủi ro cụ thể khác.

Do đó, KienlongBank luôn chú trọng việc xây dựng chính sách, quy trình phù hợp để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, nâng cao năng lực quản trị rủi ro đảm bảo quy định của pháp luật chuyên ngành và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

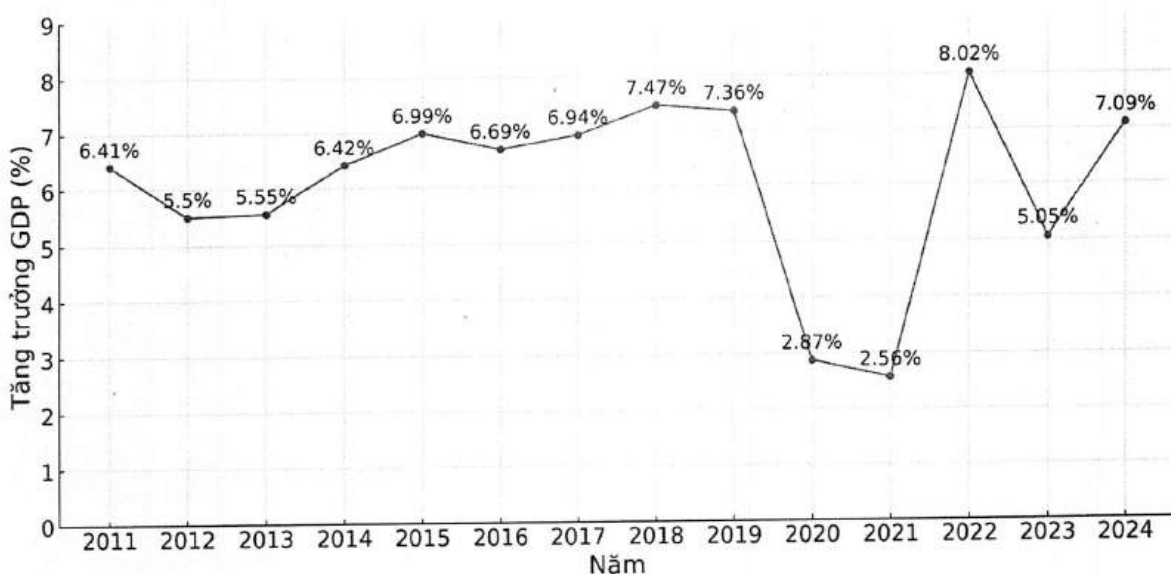
Một số rủi ro mà KienlongBank thường xuyên đối mặt:

1. Rủi ro về kinh tế

a. Tăng trưởng kinh tế:

Tăng trưởng kinh tế là chỉ số vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 đạt 2,87% và năm 2021 giảm xuống 2,56%. Năm 2022 GDP tăng cao ước tính ở mức 8,02% so với năm trước và là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011–2022. Năm 2023, tốc độ tăng trưởng GDP chững lại còn 5,05%, phản ánh sự chậm lại sau giai đoạn phục hồi hậu COVID-19. Năm 2024, GDP tăng trưởng bật mạnh lên 7,09%, cao hơn cả mục tiêu đặt ra 6–6,5%, đánh dấu sự phục hồi mạnh mẽ trong nhiều ngành kinh tế.

Biểu đồ 1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011- 2024



Kinh tế Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2025 đã ghi nhận những dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ, với GDP tăng 7,84% so với cùng kỳ năm trước. Đây là một trong những mức tăng trưởng cao nhất trong nhiều năm qua, chỉ đứng sau năm 2022. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 5,36% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,69%, đóng góp 43,05%; khu vực dịch vụ tăng 8,49%, đóng góp 51,59%. Tuy nhiên, để đạt mục tiêu tăng trưởng trên 8% cho cả năm, quý 4/2025 đòi hỏi những nỗ lực vượt bậc trong việc tháo gỡ các điểm nghẽn và tận dụng cơ hội.

Tuy đạt được những kết quả tăng trưởng tích cực trong giai đoạn 2023 đến nay, nền kinh tế Việt Nam vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt đối với hệ thống ngân hàng. Tăng trưởng kinh tế suy giảm có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của ngành ngân hàng nói chung và KienlongBank nói riêng thông qua nhiều kênh khác nhau. Khi hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp và thu nhập của cá nhân bị ảnh hưởng, nhu cầu vay vốn có xu hướng giảm, đồng thời khả năng trả nợ suy yếu, làm gia tăng tỷ lệ nợ xấu và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Điều này có thể khiến lợi nhuận ngân hàng giảm và ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của hệ thống tài chính. Ngoài ra, tăng trưởng thấp làm giảm tốc độ lưu chuyển dòng tiền trong nền kinh tế, kéo theo nhu

cầu sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính, thanh toán, đầu tư và huy động vốn đều suy giảm. Do đó, rủi ro tăng trưởng kinh tế là một yếu tố vĩ mô quan trọng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng tín dụng, chất lượng tài sản và kết quả kinh doanh của các ngân hàng.

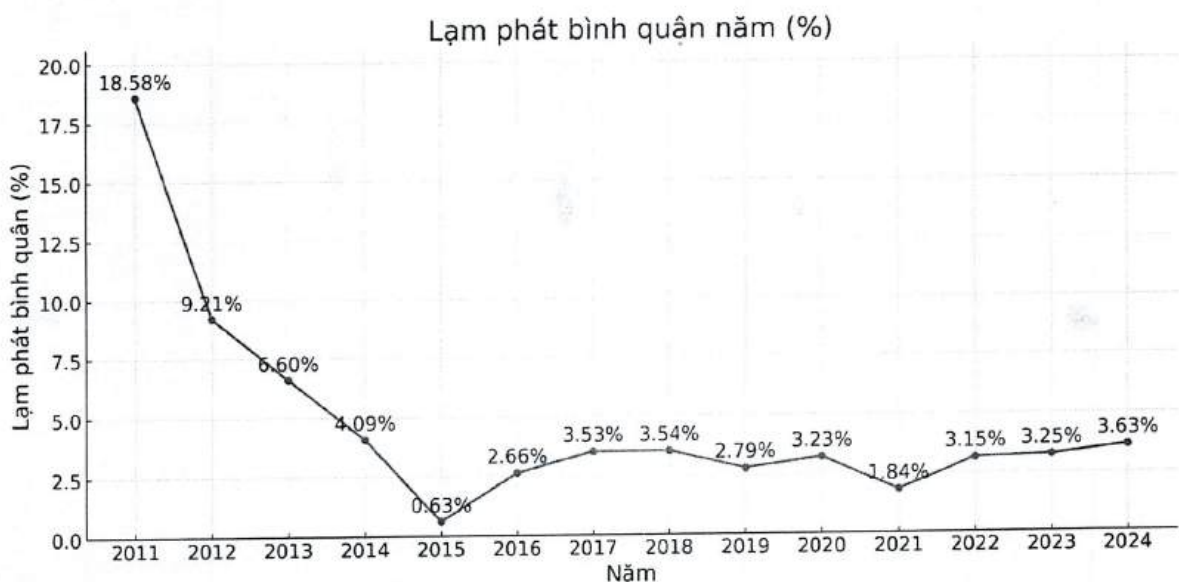
Để ứng phó với rủi ro tăng trưởng kinh tế suy giảm, KienlongBank thực hiện các biện pháp: đa dạng hóa danh mục tín dụng và ưu tiên các lĩnh vực thiết yếu; tăng cường thẩm định, giám sát sau cho vay và chủ động cơ cấu lại nợ theo quy định; nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro thông qua hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và áp dụng mô hình cảnh báo sớm; tối ưu hóa cơ cấu nguồn vốn, quản trị thanh khoản và điều hành lãi suất phù hợp; đồng thời đẩy mạnh phát triển dịch vụ ngân hàng số và gia tăng thu nhập ngoài lãi nhằm giảm sự phụ thuộc vào tăng trưởng tín dụng. Các giải pháp này góp phần hỗ trợ KienlongBank duy trì hoạt động ổn định và an toàn trong bối cảnh kinh tế biến động.

b. Lạm phát:

Lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô phản ánh thực trạng nền kinh tế. Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại.

Theo báo cáo của Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023, như vậy lạm phát đã được kiểm soát vượt mục tiêu Quốc hội giao từ đầu năm. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội ở trong nước, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024.

Biểu đồ 2. Tốc độ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2011-2024



Lạm phát cơ bản tháng 9/2025 tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 3,18% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9 tháng năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,19% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 3,27% của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực

phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Lạm phát gia tăng có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của ngành ngân hàng nói chung và KienlongBank nói riêng, đặc biệt thông qua chính sách điều hành tiền tệ và biến động lãi suất. Khi áp lực lạm phát tăng cao, Ngân hàng Nhà nước thường phải điều chỉnh chính sách tiền tệ theo hướng thắt chặt, dẫn đến mặt bằng lãi suất tăng. Điều này làm chi phí vốn của các ngân hàng gia tăng, thu hẹp biên lãi ròng (NIM) và ảnh hưởng đến khả năng mở rộng tín dụng. Đồng thời, lạm phát làm suy giảm sức mua và thu nhập thực của người dân, khiến nhu cầu vay tiêu dùng và sử dụng dịch vụ tài chính suy yếu, trong khi rủi ro tín dụng đối với khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tăng lên. Ngoài ra, lạm phát cao còn tạo áp lực lên tỷ giá và rủi ro thị trường, ảnh hưởng đến danh mục đầu tư và thanh khoản của ngân hàng. Do vậy, rủi ro lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động trực tiếp đến lợi nhuận, khả năng tăng trưởng tín dụng và mức độ ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng.

Để ứng phó với rủi ro lạm phát, KienlongBank điều hành lãi suất linh hoạt theo định hướng chính sách tiền tệ, kiểm soát chi phí vốn và tăng cường quản trị thanh khoản nhằm đảm bảo an toàn hoạt động và biên lợi nhuận hợp lý. Ngân hàng theo dõi chặt chẽ diễn biến lạm phát, lãi suất và tỷ giá để kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, đồng thời đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn thu ngoài lãi và phát triển dịch vụ ngân hàng số, qua đó giảm phụ thuộc vào tín dụng và duy trì hiệu quả hoạt động trong bối cảnh lạm phát biến động.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, do vậy hệ thống pháp luật của Việt Nam đang không ngừng được hoàn thiện nhằm nội luật hóa các cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế, hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các TCTD tại Việt Nam, trong đó có các ngân hàng thương mại cổ phần như KienlongBank.

Trong những năm gần đây, Quốc hội Việt Nam đã thông qua một số luật quan trọng nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho môi trường kinh doanh và hoạt động của các TCTD tại Việt Nam, bao gồm: Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2024/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính... Sau khi Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 được ban hành và có hiệu lực, Chính phủ và NHNN đã ban hành một số Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện và dự kiến sẽ tiếp tục ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để hoàn thiện khung pháp lý về hoạt động của TCTD. Do đó, cơ sở pháp lý về hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, trong đó có KienlongBank trong thời gian tới sẽ tiếp tục được hoàn thiện, hứa hẹn những thay đổi tích cực.

Với đặc thù là một nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ nên mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực này nhưng có thể đánh giá, hệ thống pháp luật về ngân hàng tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để dần đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Do vậy, đây vẫn có thể

coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các Nhà Đầu Tư liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Để giảm thiểu những rủi ro do luật pháp mang lại, KienlongBank luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng, chú trọng an toàn pháp lý trong mọi quyết định về kinh doanh.

Đối với các văn bản pháp luật mới trong lĩnh vực có liên quan, KienlongBank đều tham gia từ giai đoạn cơ quan quản lý nhà nước lấy ý kiến góp ý cho đến khi ban hành sẽ được KienlongBank đánh giá tác động đầy đủ. Các quy định nội bộ của KienlongBank được rà soát, điều chỉnh định kỳ và khi có quy định mới của pháp luật có ảnh hưởng tới hoạt động của KienlongBank, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật cũng như thực tiễn vận hành hệ thống và định hướng phát triển của Ngân hàng. Bên cạnh đó, KienlongBank có đội ngũ nhân sự tư vấn pháp lý nội bộ giàu kinh nghiệm, am hiểu pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng. Ngoài ra, KienlongBank cũng chú trọng công tác đào tạo pháp lý nội bộ toàn hàng, đảm bảo cán bộ nhân viên của KienlongBank không chỉ nắm chắc nghiệp vụ mà còn luôn tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

3. Rủi ro đặc thù

a. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với KienlongBank.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng chưa hoàn thiện; thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo Ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai địch họa hoặc dịch bệnh gây tác động tới toàn bộ nền kinh tế toàn cầu, hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của KienlongBank và đòi hỏi Ngân hàng phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Để quản lý, kiểm soát rủi ro tín dụng hiệu quả, KienlongBank đã xây dựng và duy trì hệ thống chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo các nguyên tắc:

- (i) Nhận dạng và quản lý các rủi ro tín dụng tại tất cả các hoạt động và sản phẩm tiềm ẩn rủi ro và đảm bảo rằng chỉ cung cấp các sản phẩm mới, hoạt động chính thức trên thị trường mới khi có đầy đủ quy định, quy trình liên quan đến sản phẩm mới, hoạt động trên thị trường mới nhằm nhận dạng, đo lường, đánh giá, theo dõi và kiểm soát các rủi ro phát sinh trọng yếu.
- (ii) Xây dựng hệ thống tiêu chí cấp tín dụng nhằm đánh giá một cách toàn diện, kỹ lưỡng nhất về khách hàng, đối tác, mục đích và cấu trúc của khoản cấp tín dụng cũng như khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính với KienlongBank.
- (iii) Xây dựng hệ thống giới hạn cấp tín dụng ở cấp độ từng khách hàng, nhóm khách hàng/đối tác; cả nội bảng và ngoại bảng.
- (iv) Xây dựng, phát triển và sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ trong việc đánh giá mức độ tín nhiệm, mức độ rủi ro của khách hàng. Kết quả phân loại rủi ro phải được sử

dụng để quyết định các điều khoản cấp tín dụng với khách hàng.

- (v) Chính sách giá của khoản cấp tín dụng được xác định tương xứng với mức độ rủi ro, hạng tín nhiệm của khách hàng. Khách hàng có độ rủi ro cao hơn sẽ được áp dụng chính sách giá (lãi suất/phí) cao hơn.
- (vi) Áp dụng các biện pháp bảo đảm tín dụng theo nguyên tắc KienlongBank nhận tài sản bảo đảm trên cơ sở khách hàng được đánh giá có độ rủi ro càng cao thì các điều kiện về tài sản bảo đảm càng chặt chẽ.
- (vii) Các quy trình cấp tín dụng lần đầu và tái cấp/điều chỉnh mức cấp tín dụng phải được xây dựng rõ ràng và phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Các khoản cấp tín dụng cho các khách hàng là doanh nghiệp hoặc khoản cấp tín dụng bán lẻ phải được theo dõi theo quy trình phù hợp nhằm kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro.
- (viii) Các khoản cấp tín dụng được cấp phải đảm bảo nằm trong giới hạn rủi ro được xác định trước và phù hợp với định hướng tín dụng của KienlongBank. KienlongBank đảm bảo hoạt động cấp tín dụng phải được giám sát và các rủi ro tín dụng phải được kiểm soát theo giới hạn cho phép, các ngoại lệ/khác biệt về chính sách hoặc vi phạm về giới hạn phải được báo cáo kịp thời tới cấp có thẩm quyền.
- (ix) Thiết lập và duy trì hệ thống thông tin quản lý để nhận dạng, đo lường, đánh giá và theo dõi một cách kịp thời, chính xác, thường xuyên, toàn diện các trạng thái, mức độ rủi ro, tình hình tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của KienlongBank và đảm bảo HĐQT, BKS và Ban điều hành được báo cáo kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin quan trọng về rủi ro không phù hợp với chiến lược quản lý rủi ro, chiến lược kinh doanh của KienlongBank.

b. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất trên sổ kinh doanh; rủi ro ngoại hối; rủi ro giá cổ phiếu và rủi ro giá hàng hóa. Cụ thể:

- *Rủi ro lãi suất trên sổ kinh doanh* là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của ngân hàng dẫn đến khả năng KienlongBank phải đối mặt với sự suy giảm lợi nhuận hoặc các tổn thất liên quan đến tài sản do sự biến động của lãi suất.
- *Rủi ro ngoại hối* là rủi ro biến động bất lợi của tỷ giá, giá vàng trên thị trường khi Ngân hàng có trạng thái ngoại tệ, trạng thái vàng. Biến động về tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị các tài sản và khoản nợ bằng ngoại tệ, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh ngoại tệ của Ngân hàng, có thể dẫn tới suy giảm tài sản và lợi nhuận của ngân hàng.
- *Rủi ro biến động giá vàng*: KienlongBank không kinh doanh vàng, do đó không có trạng thái vàng và không có rủi ro liên quan tới biến động giá vàng.
- *Rủi ro giá cổ phiếu* là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của ngân hàng.
- *Rủi ro giá hàng hóa* là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của ngân hàng.

Đề hạn chế rủi ro này, KienlongBank đã ban hành các quy định nội bộ và thiết lập hệ thống hạn mức dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của KienlongBank và các quy định của NHNN, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: hạn mức tổng trạng thái ngoại tệ âm/dương, hạn mức dừng lỗ theo ngày/năm, hạn mức giao dịch cho giao dịch viên, hạn mức rủi ro tập trung theo đối tác/loại tiền/sản phẩm, khối lượng giao dịch tối đa của một giao dịch, ... Trạng thái ngoại tệ được quản lý hàng ngày, đồng thời, chiến lược phòng ngừa rủi ro tỷ giá được KienlongBank áp dụng cho cả cấp độ toàn danh mục và cấp độ từng giao dịch nhằm hạn chế tối đa rủi ro ngoại hối, đảm bảo duy trì hạn mức đã thiết lập, phù hợp với khẩu vị rủi ro của KienlongBank trong từng thời kỳ.

- KienlongBank triển khai công tác quản lý rủi ro thị trường theo mô hình 03 tuyến bảo vệ nhằm tuân thủ các yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của NHNN và tiến tới tuân thủ quy định của Basel III.
- KienlongBank đã ban hành đầy đủ quy chế, quy định và thiết lập các hạn mức, ngưỡng cảnh báo rủi ro thị trường đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN và nội bộ Ngân hàng.
- Công tác đo lường, theo dõi, cảnh báo, giám sát được thực hiện hàng ngày, bám sát diễn biến thị trường. Khi các giá trị rủi ro thị trường chạm ngưỡng cảnh báo trung bình và cao, Phòng Quản lý rủi ro đã thực hiện các cảnh báo, đề xuất cần thiết tới Ban lãnh đạo Ngân hàng và các đơn vị có liên quan. Kiểm soát rủi ro thị trường tại KienlongBank luôn đảm bảo:
 - + Cảnh báo sớm về khả năng vi phạm hạn mức rủi ro thị trường.
 - + Cuối mỗi ngày giao dịch, KienlongBank đánh giá khả năng tuân thủ hạn mức rủi ro thị trường trên cơ sở trạng thái rủi ro thị trường thực tế (bao gồm cả các giao dịch phòng ngừa rủi ro thị trường) và điều chỉnh hạn mức rủi ro thị trường (nếu cần thiết).
 - + Việc điều chỉnh hạn mức rủi ro thị trường phải được thông báo kịp thời cho giao dịch viên, đơn vị giao dịch và các cá nhân, bộ phận có liên quan để thực hiện giao dịch tự doanh, kiểm soát rủi ro thị trường cho ngày giao dịch tiếp theo.
 - + Trên cơ sở kết quả đo lường và phân loại rủi ro, KienlongBank chủ động kiểm soát và điều chỉnh danh mục tài sản của mình nhằm đưa trạng thái rủi ro thị trường của KienlongBank về trạng thái mong muốn, phù hợp với hệ thống hạn mức và chiến lược quản lý rủi ro từng thời kỳ.

c. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng:

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của KienlongBank phát sinh do: Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số dư các khoản cấp tín dụng (tài sản có) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, so với tổng số dư các khoản huy động (tài sản nợ) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, còn gọi là chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất (Re-pricing Gap). Do vậy, nếu ngân hàng

phải điều chỉnh tăng lãi suất huy động, trong khi không/chưa điều chỉnh lãi suất cho vay thì dẫn đến giảm thu nhập.

Để quản lý rủi ro này, KienlongBank đã ban hành quy chế, quy định quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng nhằm xây dựng cơ chế tổng thể để đảm bảo loại rủi ro này được nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát định kỳ một cách hiệu quả dựa trên hệ thống hạn mức và các ngưỡng cảnh báo chặt chẽ. Các biện pháp giảm thiểu khe hở tái định giá bao gồm: duy trì sự cân đối giữa tài sản tài chính nhạy cảm lãi suất và nợ phải trả tài chính nhạy cảm lãi suất; sử dụng chính sách lãi suất linh hoạt, thả nổi lãi suất phù hợp cho tài sản tài chính và nợ tài chính theo đúng quy định.

Mức độ rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng và tình hình tuân thủ các chỉ số hạn mức rủi ro được phân tích, báo cáo cho Ban lãnh đạo ngân hàng định kỳ hàng tháng và được xem xét tại các cuộc họp Hội đồng rủi ro, Hội đồng quản lý Tài sản/Nợ phải trả (ALCO) nhằm kịp thời nhận diện xu hướng thay đổi cơ cấu chênh lệch kỳ định giá lại, mức độ tác động đến thu nhập/vốn chủ sở hữu và kịp thời có điều chỉnh để đảm bảo thực hiện được mục tiêu lợi nhuận của ngân hàng.

d. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động (“RRHD”) là rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của ngân hàng làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với KienlongBank. RRHD có thể xuất phát từ các nguyên nhân như: do cán bộ nhân viên (sai sót khi tác nghiệp hoặc khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, cố tình gian lận); do hệ thống máy móc thiết bị/công nghệ thông tin bị hư hỏng, có sự lỗi/sự cố hệ thống; do quy định/quy trình nội bộ không đầy đủ hoặc có sai sót hoặc không hiệu quả, hoặc do yếu tố bên ngoài tác động (thiên tai, bất khả kháng, kẻ gian v.v.). Để quản lý rủi ro hoạt động hiệu quả, KienlongBank luôn thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và hướng đến các thông lệ quốc tế phù hợp với tình hình hiện tại:

- KienlongBank triển khai công tác quản lý rủi ro hoạt động theo mô hình 03 tuyến bảo vệ nhằm tuân thủ các yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của NHNN.
- Ban hành đầy đủ chính sách, quy định về công tác quản lý rủi ro hoạt động, KienlongBank đã thiết lập khung khẩu vị rủi ro, xây dựng quy trình thu thập và xử lý sự kiện rủi ro hoạt động, hạn mức tổn thất tài chính và phi tài chính, xây dựng quy định duy trì hoạt động kinh doanh liên tục, quản lý rủi ro hoạt động thuê ngoài... KienlongBank cũng thường xuyên tổ chức, thực hiện các chương trình đào tạo về rủi ro hoạt động nhằm nâng cao nhận thức, văn hóa quản lý rủi ro hoạt động cho CBNV.
- KienlongBank đang triển khai áp dụng các công cụ đo lường rủi ro hoạt động như sau: (i) Sử dụng các phát hiện của Kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; (ii) thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất nội bộ và bên ngoài để xác định tổn thất nội bộ và của toàn hệ thống (iii) xây dựng, kiểm soát các chỉ số kết quả kinh doanh và chỉ số rủi ro trọng yếu để theo dõi yếu tố tác động đến rủi ro hoạt động và xác định các hạn chế, tồn tại và tổn thất tiềm ẩn.
- Ngoài ra, KienlongBank đang có kế hoạch từng bước triển khai thêm một số công cụ đo lường rủi ro hoạt động như: (i) tự đánh giá hiệu quả và kiểm soát rủi ro hoạt động (RCSA). (ii) phân tích kịch bản để xác định nguồn phát sinh rủi ro hoạt động và các yêu cầu kiểm soát, giảm thiểu rủi ro hoạt động trong các kịch bản và sự kiện có thể xảy ra.

- Bên cạnh đó, KienlongBank cũng đã triển khai xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động liên tục (BCP) nhằm đảm bảo ứng phó kịp thời trước các tình huống khẩn cấp, bảo vệ tính ổn định và liên tục của hệ thống.
- Công tác rà soát, đánh giá an ninh an toàn công nghệ thông tin đã được KienlongBank triển khai thực hiện nhằm đáp ứng theo các yêu cầu của NHNN. Công tác phòng chống thất thoát dữ liệu cũng được triển khai kịp thời, từ đó hạn chế rủi ro thất thoát dữ liệu cho Ngân hàng đảm bảo hoạt động an toàn hiệu quả.
- Công tác quản lý rủi ro gian lận được triển khai nhằm phòng ngừa, phát hiện kịp thời giảm thiểu tổn thất phát sinh rủi ro cho ngân hàng. KienlongBank chú trọng thực hiện phòng ngừa gian lận thông qua việc xây dựng bộ quy tắc nhằm nhận diện, phát hiện, ngăn ngừa và cảnh báo kịp thời các rủi ro liên quan đến các hoạt động như: Gian lận nội bộ; Gian lận bên ngoài; Gian lận trong tín dụng; Gian lận trong mở và sử dụng tài khoản thanh toán; Gian lận trong hoạt động mở và sử dụng các Đơn vị chấp nhận thanh toán; Gian lận công nghệ và an ninh mạng; Gian lận liên quan đến đối tác và nhà cung cấp dịch vụ cho KienlongBank;... Thiết lập văn hóa tuân thủ các quy tắc đạo đức, tiêu chuẩn nghề nghiệp, cơ chế khen thưởng, kỷ luật phù hợp... thường xuyên, đào tạo/truyền thông cán bộ nhân viên về rủi ro hoạt động, từ đó thiết lập văn hóa quản lý rủi ro gian lận trên toàn hệ thống KienlongBank.

e. Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do KienlongBank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn, hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

Rủi ro thanh khoản được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số tiền ngân hàng thu về (tài sản có) so với tổng số tiền ngân hàng phải chi trả (tài sản nợ), còn gọi là chênh lệch kỳ hạn thu chi. Chênh lệch này xảy ra do nhiều nguyên nhân: (i) người gửi tiền và/hoặc người vay tiền không thực hiện đúng thời hạn rút tiền/trả tiền; (ii) ngân hàng muốn đa dạng hóa và tối đa hóa kỳ hạn huy động, kỳ hạn cho vay dùng các khoản huy động ngắn (có lãi suất thấp và luôn sẵn có) để cho vay trung dài hạn (có lãi suất cao và nguồn thường hạn chế).

Trong giai đoạn 2023 - 9T/2025, tỷ lệ CASA của KienlongBank duy trì ở mức tương đối thấp (bình quân khoảng 6%), phản ánh cơ cấu nguồn vốn của KienlongBank vẫn phụ thuộc chủ yếu vào tiền gửi có kỳ hạn. Điều này khiến chi phí huy động vốn ở mức cao hơn so với các ngân hàng có tỷ lệ CASA lớn.

Nhận thức được vấn đề này, KienlongBank đã và đang triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm cải thiện cơ cấu nguồn vốn, trong đó tập trung phát triển ngân hàng số, mở rộng sản phẩm và dịch vụ thanh toán, gia tăng tiện ích cho tài khoản thanh toán, đồng thời đẩy mạnh thu hút khách hàng cá nhân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ thanh toán thường xuyên. Trong trung và dài hạn, các giải pháp này được kỳ vọng giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng, hiệu quả vận hành và năng lực cạnh tranh của KienlongBank, từ đó từng bước nâng cao tỷ lệ CASA và giảm chi phí vốn.

Bên cạnh đó, KienlongBank cũng đã ban hành và áp dụng các quy chế, quy định, các hệ thống hạn mức để quản lý rủi ro thanh khoản theo yêu cầu tuân thủ của NHNN và nội bộ Ngân hàng.

Công tác đo lường/theo dõi/kiểm soát/báo cáo rủi ro thanh khoản được thực hiện định kỳ trên cơ sở số liệu hệ thống từng thời điểm, có phân tích và dự báo nguồn huy động và cấp tín dụng trong kỳ tiếp theo để cảnh báo sớm các nguy cơ.

Quy trình quản lý rủi ro thanh khoản được phối hợp chặt chẽ giữa các Hội đồng/Khối/Phòng/Ban/Bộ phận liên quan để kịp thời nắm bắt diễn biến thanh khoản để có định hướng phù hợp đảm bảo an toàn về khả năng chi trả như: Hội đồng quản lý Tài sản/Nợ phải trả (ALCO), Phòng Quản lý rủi ro, Khối Nguồn vốn và Định chế tài chính, Khối Ngân hàng bán lẻ, Khối Ngân hàng doanh nghiệp, Phòng Kế hoạch tổng hợp.

f. Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Rủi ro tập trung bao gồm rủi ro tập trung tín dụng và rủi ro tập trung giao dịch tự doanh.

Các hoạt động kinh doanh vào một khách hàng, đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ... luôn duy trì ở mức độ có tác động không đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của KienlongBank. Chiến lược quản lý rủi ro tập trung tại KienlongBank được HĐQT ban hành trong từng thời kỳ, đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của NHNN về nguyên tắc xây dựng, các yêu cầu và nội dung cần có.

**** Đối với rủi ro tập trung tín dụng**

Chiến lược quản lý rủi ro tập trung tín dụng là cơ sở để KienlongBank xây dựng các quy định, quy trình về quản lý rủi ro trong các hoạt động nghiệp vụ tín dụng trong đó đảm bảo phản ánh các nội dung tối thiểu sau:

- Đảm bảo tuân thủ các giới hạn tập trung tín dụng theo quy định NHNN, quy định của pháp luật có liên quan.
- Đảm bảo thiết lập các giới hạn, hạn mức tập trung tín dụng theo sản phẩm, khách hàng và ngành lĩnh vực kinh tế.
- Đảm bảo cập nhật và ban hành các tiêu chí xác định người có liên quan của khách hàng, thực hiện các nội dung khai báo thông tin đầy đủ đối với người có liên quan của khách hàng, xác định các tỷ lệ và nguyên tắc quản lý nhằm đảm bảo các giới hạn an toàn trong việc cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan tuân thủ quy định của NHNN, quy định của pháp luật và các trường hợp tiềm ẩn rủi ro.
- Trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc việc quản lý rủi ro tín dụng tập trung, KienlongBank đã xây dựng và triển khai thực hiện các văn bản sau:
 - ✓ Ban hành thông báo định hướng tín dụng trong đó đưa ra yêu cầu về việc thiết lập và quản lý hạn mức tập trung theo loại hình cấp tín dụng, theo sản phẩm, khách hàng, loại tài sản bảo đảm và ngành/lĩnh vực kinh tế trên cơ sở chiến lược phát triển kinh doanh hàng năm của KienlongBank.
 - ✓ Sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý khách hàng người có liên quan trong đó làm rõ quan điểm thận trọng và nguyên tắc phân tán rủi ro nhằm kiểm soát, hạn chế các rủi ro phát sinh trong hoạt động cấp tín dụng đối với khách hàng tại KienlongBank.

- Ngoài ra, KienlongBank đặc biệt lưu ý, theo dõi, đo lường và kiểm soát mức độ tương tác giữa các sản phẩm tín dụng, ngành nghề có liên quan, tác động lẫn nhau, từ đó có các chiến lược quản lý rủi ro tập trung phù hợp, tuân thủ các quy định của NHNN.

**** Đối với rủi ro tập trung giao dịch tự doanh**

Rủi ro tập trung giao dịch tự doanh là rủi ro mà Ngân hàng gặp phải khi các giao dịch tự doanh (mua bán chứng khoán, trái phiếu, và các công cụ tài chính khác cho chính Ngân hàng) bị tập trung vào một số tài sản, ngành hoặc lĩnh vực cụ thể. Sự tập trung này làm tăng khả năng tổn thất nghiêm trọng nếu giá trị của các tài sản hoặc lĩnh vực đó giảm mạnh hoặc gặp biến động bất lợi, do thiếu sự đa dạng hóa trong danh mục đầu tư.

Để đo lường, quản lý, kiểm soát rủi ro tập trung tự doanh, KienlongBank đã xây dựng quy chế, quy định quản lý rủi ro thị trường (bao gồm quản lý rủi ro tập trung giao dịch tự doanh) cùng danh mục hạn mức nội bộ tuân thủ theo quy định của NHNN, chuẩn mực quốc tế và phù hợp với khẩu vị rủi ro của Ngân hàng. Hệ thống hạn mức được kiểm soát định kỳ, cảnh báo thường xuyên theo các ngưỡng rủi ro.

KienlongBank nhận dạng rủi ro tập trung trong hoạt động giao dịch tự doanh thông qua các khoản mục được hạch toán nội bảng, ngoại bảng và các khoản mục chưa được hạch toán theo quy định của pháp luật về kế toán. Rủi ro tập trung tự doanh được đo lường trên cơ sở đánh giá mức độ tác động đối với tỷ trọng số dư/doanh số và thu nhập của từng hoạt động giao dịch tự doanh có rủi ro tập trung.

Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng xây dựng quy chế, quy định quản lý rủi ro thị trường (bao gồm quản lý rủi ro tập trung giao dịch tự doanh) cùng danh mục hạn mức/ngưỡng kiểm soát rủi ro nội bộ để làm cơ sở trong quá trình thực hiện, đảm bảo tuân thủ theo quy định của NHNN, chuẩn mực quốc tế và phù hợp với khẩu vị rủi ro của Ngân hàng.

KienlongBank thực hiện theo dõi, kiểm tra định kỳ hàng ngày/tháng số dư giao dịch tự doanh theo các hạn mức rủi ro tập trung; cảnh báo sớm các trường hợp gần vượt hạn mức và có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vi phạm.

Đối với danh mục tự doanh liên quan đến hoạt động kinh doanh trái phiếu (bao gồm: trái phiếu chính phủ, chứng chỉ tiền gửi tổ chức tín dụng) và hoạt động kinh doanh ngoại tệ (bao gồm giao dịch mua bán giao ngay, hoán đổi và kỳ hạn), định kỳ, KienlongBank thực hiện phân tích danh mục, đánh giá tác động, mức độ tập trung dựa trên cơ cấu phân loại theo đối tác giao dịch, sản phẩm giao dịch, loại tiền tệ và áp dụng các biện pháp đa dạng hoá danh mục, giảm thiểu rủi ro tập trung (nếu cần).

g. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Rủi ro từ hoạt động ngoại bảng chủ yếu là một dạng rủi ro tín dụng đối với việc phát hành thư bảo lãnh, tín dụng thư (L/C) và các cam kết cấp tín dụng khác cho khách hàng. Các hình thức cấp tín dụng này được hạch toán ngoại bảng. Trường hợp khách hàng thực hiện không đầy đủ và/hoặc không đúng thời hạn đối với bên thụ hưởng theo cam kết, KienlongBank buộc phải thực hiện các nghĩa vụ thanh toán thay cho khách hàng. Lúc đó, các khoản cam kết ngoại bảng này sẽ trở thành các khoản cho vay bắt buộc và được chuyển sang hạch toán nội bảng và là khoản vay quá hạn. Để phòng ngừa rủi ro này, KienlongBank áp dụng các biện pháp tương tự như đối với

rủi ro tín dụng, bên cạnh việc yêu cầu khách hàng phải ký quỹ, có tài sản đảm bảo và xác định các điều khoản điều kiện phù hợp trong hợp đồng bảo lãnh.

h. Rủi ro cạnh tranh

Bên cạnh các rủi ro đặc thù đã đề cập ở trên, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực/ngành ngân hàng tại Việt Nam còn chịu sự tác động và rủi ro từ áp lực cạnh tranh giữa các ngân hàng cùng ngành. Theo đó, KienlongBank không chỉ chịu áp lực cạnh tranh với các ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước chi phối mà còn phải chịu sự cạnh tranh ngày càng lớn từ các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân khác, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam và các công ty công nghệ tài chính (fin-tech). Ngành ngân hàng dần phải chia sẻ thị phần kinh doanh tiền tệ với các loại hình công ty mới. Là một quốc gia có nền kinh tế mở và tốc độ tăng trưởng cao, Việt Nam đã và đang ngày càng chủ động và đẩy mạnh quá trình toàn cầu hóa, hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Điều này đồng nghĩa với việc Việt Nam sẽ mở rộng hơn nữa các quan hệ hợp tác quốc tế, cũng như tham gia nhiều hơn vào các thị trường, khu vực thương mại tự do với các đối tác kinh tế, thương mại quan trọng. Do vậy, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ ngày càng gia tăng mạnh mẽ. Các ngân hàng nói chung và KienlongBank nói riêng, bên cạnh các cơ hội và thuận lợi, sẽ phải đối mặt với không ít những rủi ro, thách thức và sự cạnh tranh khốc liệt trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

i. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

KienlongBank sử dụng hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) để thực hiện khối lượng lớn các nghiệp vụ và giao dịch ngân hàng một cách chính xác, kịp thời; đồng thời phục vụ công tác lưu trữ, xử lý dữ liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh và quản trị ngân hàng. Hệ thống CNTT đóng vai trò quan trọng trong nhiều hoạt động trọng yếu như quản trị rủi ro, kiểm soát tài chính, phân tích tín dụng, hạch toán – kế toán, lập báo cáo, cung cấp dịch vụ khách hàng, cũng như vận hành các kênh giao dịch và mạng lưới kết nối giữa các đơn vị, chi nhánh và trung tâm xử lý dữ liệu của Ngân hàng.

Do đó, sự ổn định, an toàn và liên tục của hệ thống CNTT có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả hoạt động, chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh của KienlongBank. Các rủi ro liên quan đến CNTT có thể phát sinh từ sự cố kỹ thuật, lỗi hệ thống, gián đoạn đường truyền, tấn công mạng, xâm nhập trái phép, vi phạm bảo mật dữ liệu, mã độc hoặc các sự kiện an ninh mạng khác. Những rủi ro này, nếu xảy ra, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của hệ thống CNTT, làm gián đoạn dịch vụ, gây tổn thất tài chính và ảnh hưởng đến uy tín của Ngân hàng.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh yêu cầu tuân thủ pháp luật về an toàn hệ thống thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu ngày càng chặt chẽ, KienlongBank cũng đối mặt với rủi ro phát sinh nếu không đáp ứng đầy đủ hoặc kịp thời các quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Nhằm hạn chế các rủi ro nêu trên, KienlongBank đã xây dựng một bộ phận chuyên trách về An ninh Thông tin để quản lý, phát hiện và xử lý các vấn đề về an ninh thông tin, chủ động xây dựng các giải pháp ngăn chặn và phản ứng phù hợp để đảm bảo sự an toàn và an ninh cho mọi giao dịch của khách hàng.

4. Rủi ro quản trị ngân hàng:

Quản trị ngân hàng liên quan đến những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát công ty trong các mối quan hệ giữa Ban TGD, HĐQT và các cổ đông của Ngân hàng với các bên có quyền lợi liên quan.

Rủi ro quản trị ngân hàng thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ nêu trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích công, lợi ích của KienlongBank. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như: giao dịch có nguy cơ tư lợi; lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của KienlongBank phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với KienlongBank. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của KienlongBank.

Tại KienlongBank, công tác đo lường, quản lý và kiểm soát rủi ro quản trị được triển khai trên cơ sở tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời tiếp cận chuẩn mực Basel III, các trụ cột nguyên tắc ESG và các thông lệ tiên tiến. Về đo lường rủi ro, KienlongBank áp dụng các chỉ số cảnh báo sớm KRI (Key Risk Indicators) nhằm theo dõi mức độ minh bạch, hiệu quả giám sát và nguy cơ xung đột lợi ích; đồng thời kết hợp tiêu chí ESG để đánh giá mức độ tác động của hoạt động quản trị đến môi trường và xã hội. Về quản lý rủi ro, KienlongBank xây dựng cơ chế phân tách quyền hạn rõ ràng giữa HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát; đồng thời áp dụng khung quản trị rủi ro toàn diện theo Basel III, gắn với chiến lược phát triển bền vững theo ESG nhằm đảm bảo cân bằng lợi ích giữa cổ đông, khách hàng và cộng đồng. Về kiểm soát rủi ro, KienlongBank duy trì hệ thống kiểm toán nội bộ độc lập, tăng cường công bố thông tin minh bạch theo chuẩn mực quốc tế và triển khai các chính sách tín dụng, đầu tư có trách nhiệm với môi trường và xã hội. Việc lồng ghép Basel III và ESG vào hoạt động quản trị giúp KienlongBank không chỉ kiểm soát tốt rủi ro, mà còn củng cố hình ảnh ngân hàng phát triển bền vững, uy tín và phù hợp với xu thế toàn cầu.

5. Rủi ro biến động giá cổ phiếu:

Việc niêm yết cổ phiếu KienlongBank trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh mang lại nhiều lợi ích, bao gồm: nâng cao hình ảnh và thương hiệu, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo thuận lợi cho việc chuyển nhượng vốn, đồng thời mở rộng cơ hội tiếp cận các nguồn tài chính trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, niêm yết còn góp phần chuẩn hóa hoạt động quản trị và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của Ngân hàng.

Tuy nhiên, giá cổ phiếu sau khi niêm yết có thể biến động mạnh, chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như cung cầu thị trường, diễn biến kinh tế vĩ mô (lạm phát, lãi suất, tăng trưởng GDP, biến động thị trường tài chính trong nước và quốc tế), kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, cũng như các thay đổi trong pháp lý và quy định của thị trường chứng khoán. Ngoài ra, tâm lý nhà đầu tư, phương thức giao dịch và kỳ vọng rủi ro cũng góp phần tạo nên biến động giá. Trường hợp Ngân hàng phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn, thu nhập trên mỗi cổ phiếu có thể bị pha loãng, ảnh hưởng đến giá thị trường. Do đó, rủi ro biến động giá cổ phiếu là điều khó tránh khỏi và có tính chất khó dự báo.

6. Rủi ro khác

Rủi ro sự kiện bất khả kháng

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng nếu có sẽ tác động và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của KienlongBank. Nhằm ứng phó với các rủi ro bất khả kháng ở trên, Ngân hàng đã xây dựng các kịch bản chi tiết với từng trường hợp nhằm sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp có thể xảy ra.

Thuế tại Việt Nam

Pháp luật về thuế và các quy định của Việt Nam tiếp tục được bổ sung và hướng dẫn do có những vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai và thực hiện. Bất kỳ thay đổi nào về pháp luật thuế của Việt Nam dẫn đến thay đổi nghĩa vụ thuế và tình trạng thuế của Ngân hàng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của KienlongBank.

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CỔ PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CỔ PHIẾU CỦA NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản Cáo Bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “KienlongBank”, “Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết”, “Ngân hàng”: Ngân hàng TMCP Kiên Long
- “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông
- “HĐQT”: Hội đồng quản trị
- “HĐTV”: Hội đồng Thành viên
- “BKS”: Ban Kiểm soát
- “BCTC”: Báo cáo tài chính
- “CASA”: Tiền gửi không kỳ hạn
- “CAR”: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
- “CBNV”: Cán bộ nhân viên
- “CCCD”: Căn cước công dân
- “CNTT”: Công nghệ thông tin
- “CNĐKKD”: Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- “ĐVKD”: Đơn vị kinh doanh
- “NHNN”: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- “NHTM”: Ngân hàng thương mại
- “NIM”: Biên lợi nhuận ròng
- “NPL”: Tỷ lệ nợ xấu
- “TCTD”: Tổ chức tín dụng
- “TGĐ”: Tổng Giám đốc
- “TMCP”: Thương mại cổ phần
- “TNHH”: Trách nhiệm hữu hạn
- “TTS”: Tổng tài sản
- “UBCKNN”: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- “UPCOM”: Sàn Giao dịch Chứng khoán dành cho các công ty chưa niêm yết
- “USD”: Đồng đô la Mỹ

- “LNTT”: Lợi nhuận trước thuế
- “LNST”: Lợi nhuận sau thuế
- “HNX”: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- “HOSE”: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- “GCN”: Giấy chứng nhận
- “SXKD”: Sản xuất kinh doanh
- “TSCĐ”: Tài sản cố định
- “VND”: Đồng Việt Nam;
- “VSDC”: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- “Vốn CSH”: Vốn chủ sở hữu
- “PGD”: Phòng giao dịch
- “TMDV”: Thương mại dịch vụ
- “KHDN”: Khách hàng doanh nghiệp
- “KHCN”: Khách hàng cá nhân

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Thông tin chung về Tổ Chức Đăng ký Niêm Yết

Tên đầy đủ bằng tiếng việt: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long

Tên viết tắt: KienlongBank

Tên viết bằng tiếng nước ngoài: Kien Long Commercial Joint Stock Bank

Mã cổ phiếu: KLB

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1700197787 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 10/10/1995, đăng kí thay đổi lần thứ 42 ngày 24/07/2024.

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 0056/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18/09/1995;

Quyết định số: 255/QĐ-NH5 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18/09/1995;

Quyết định số: 3462/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15/10/2025 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long.

Quyết định số: 2898/QĐ-QLGS5 ngày 27/10/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung về địa chỉ đặt trụ sở chính tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long.

Logo:



Trụ sở chính: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: (029) 7386 9950

Fax: (029) 7387 7538

Website: www.kienlongbank.com

Mã số thuế: 1700197787

Vốn điều lệ đăng ký: 5.821.705.260.000 VND (theo Quyết định số 3462/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15/10/2025 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long)

Vốn điều lệ thực góp: 5.821.705.260.000 VND

Người đại diện theo pháp luật: Trần Ngọc Minh - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Hoạt động ngân hàng thương mại, hoạt động ngân hàng bán lẻ. Mã ngành: 64

Các lĩnh vực hoạt động:

- Nhận tiền gửi dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi và các hình thức khác;
- Cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, bảo lãnh ngân hàng, bao thanh toán, chiết khấu, thu tín dụng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác;
- Cung ứng các phương tiện thanh toán; cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối;
- Dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn và thực hiện các dịch vụ ngân hàng khác.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Kiên Long được thành lập theo Giấy phép hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 0056/NH-GP ngày 18/09/1995 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Quyết định số 255/QĐ-NH5 ngày 18/09/1995 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép thành lập Ngân hàng cổ phần nông thôn Kiên Long - tỉnh Kiên Giang số 1115/GP-UB ngày 02/10/1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Ngân hàng được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 lần đầu ngày 10/10/1995, thay đổi lần thứ 42 ngày 24/07/2024. Ngày 27/10/1995, Ngân hàng TMCP Kiên Long chính thức đi vào hoạt động.

Thời hạn hoạt động của KienlongBank là năm mươi (50) năm kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu (năm 1995).

KienlongBank là ngân hàng hoạt động lâu đời nhất tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, cũng là ngân hàng duy nhất có trụ sở chính đặt tại Kiên Giang từ năm 1995. Trong suốt gần ba thập kỷ, KienlongBank duy trì hoạt động an toàn, bền vững và hiệu quả, các chỉ số hoạt động kinh doanh đều tăng trưởng ổn định.

Kiên định với giá trị cốt lõi Tâm - Tín - Kiên - Xanh cùng mục tiêu xây dựng Ngân hàng với phương châm “Sẵn lòng chia sẻ”, KienlongBank luôn đồng hành khách hàng, chia sẻ và gánh vác một phần trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

Theo quan điểm “Lấy khách hàng làm trọng tâm”, hoà nhịp cùng xu thế chuyển đổi số mạnh mẽ trên toàn cầu, năm 2021 KienlongBank đã chuyển mình theo định hướng Ngân hàng số thế hệ mới, đặt mục tiêu trở thành ngân hàng dẫn đầu về bán lẻ, tiêu dùng và SME. Ngân hàng cũng

luôn nỗ lực phát triển tối ưu và nâng tầm các sản phẩm, dịch vụ hiện hữu; nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ số, đáp ứng tối đa nhu cầu tài chính và mang đến những trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng. Lấy số hoá làm động lực và mục tiêu tăng trưởng, KienlongBank đã không ngừng đổi mới, ứng dụng công nghệ trong vận hành và không ngừng phát triển các sản phẩm tiện ích hiện thực hoá mục tiêu trở thành Ngân hàng số hiện đại và thân thiện đến năm 2025.

Tại ngày 30/09/2025, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 02 Văn phòng đại diện, 134 Chi nhánh và Phòng Giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước với 2.826 cán bộ, công nhân viên.

Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Năm	Quá trình hình thành và phát triển
1995	Ngày 27/10/1995, KienlongBank được thành lập với tên gọi Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long. Vốn điều lệ: 1,2 tỷ VND.
2006	KienlongBank đổi tên từ Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long thành Ngân hàng TMCP Kiên Long. Được Thủ tướng Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam trao tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc từ năm 2001 đến năm 2005.
2007	Tăng vốn điều lệ lên 580 tỷ VND. Nhận Huân chương Lao động Hạng 3 do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng vì đã có thành tích xuất sắc từ năm 2002 đến năm 2006.
2014	Đưa vào hoạt động website: www.kienlongbank.com . Gia nhập Hệ thống Visa quốc tế. Đạt Chứng nhận 77/1.000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất năm 2013. Đạt Chứng nhận 55/500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2013 do Việt Nam Report cấp.
2015	Nâng cấp Hệ thống Thẻ với công nghệ tiên tiến của Tập đoàn Sungard tại Mỹ, hoạt động trên phạm vi toàn cầu. Triển khai nộp thuế điện tử, thanh toán trực tuyến. Phát triển mạng lưới hoạt động gồm: 27 chi nhánh, 76 phòng giao dịch: Số lượng nhân viên: 3.585 cán bộ, cộng tác viên.
2016	Ra mắt thẻ tín dụng quốc tế KienlongBank Visa. Hoàn thành Trung tâm dữ liệu và nâng cấp hệ thống Core Thẻ.
2017	Cổ phiếu KienlongBank (mã chứng khoán KLB) chính thức giao dịch trên sàn UpCOM. Ký kết hợp đồng hợp tác với tổ chức Thẻ quốc tế JCB.
2018	Tăng vốn điều lệ lên 3.236,96 tỷ VND.

Năm	Quá trình hình thành và phát triển
	<p>Ra mắt thẻ tín dụng quốc tế KienlongBank JCB.</p> <p>Ký kết thỏa thuận hợp tác tư vấn triển khai Thông tư 13/2018/TT-NHNN và Thông tư 41/2016/TT-NHNN với đối tác KPMG Việt Nam.</p>
2019	<p>Ra mắt thẻ ghi nợ quốc tế KienlongBank JCB/Visa.</p> <p>Top 100 công ty đại chúng lớn nhất Việt Nam (Ngân hàng thứ 22) do Forbes Việt Nam bình chọn.</p> <p>Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT 500) 3 năm liền: 2017, 2018 và 2019.</p>
2020	<p>Tiếp tục đứng trong bảng xếp hạng Top VNR500, Top FAST 500 và Top PROFIT 500.</p> <p>Được vinh danh “Ngân hàng tiêu biểu vì cộng đồng”.</p> <p>Đạt giải thưởng Ngân hàng dẫn đầu về phát hành thẻ tín dụng JCB.</p> <p>Nâng cấp công nghệ thẻ từ lên thẻ chip VCCS với Napas.</p>
2021	<p>Tăng vốn điều lệ lên 3.652,82 tỷ VND.</p> <p>Kỷ niệm 26 năm thành lập và ra mắt Logo, Bộ nhận diện thương hiệu mới.</p> <p>Lần đầu tiên đưa vào hoạt động hệ thống máy giao dịch tự động thế hệ mới STM.</p> <p>Ra mắt ứng dụng Mobile Banking mới - KienlongBank Plus</p>
2022	<p>Nâng cấp, chuyển đổi hệ thống Core Thẻ Smart Vista.</p> <p>Hoàn thiện hệ thống quản trị theo chuẩn quốc tế Basel II.</p> <p>Được vinh danh trong Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam.</p> <p>Ứng dụng KienlongBank Plus lọt Top các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp chuyển đổi số tiêu biểu tại Vietnam Digital Awards 2022.</p>
2023	<p>Nâng cấp, chuyển đổi thành công hệ thống Core Banking.</p> <p>Ra mắt bộ MyShop & Paybox, được vinh danh giải thưởng Sao Khuê 2023.</p> <p>Tích hợp nhiều tiện ích vào ứng dụng KienlongBank Plus như thanh toán học phí, thu phí VETC, ePin, nickname...</p> <p>Được vinh danh Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh và Thương hiệu truyền cảm hứng giải thưởng Doanh nghiệp Châu Á - Thái Bình Dương.</p> <p>Top 10 nơi làm việc tốt nhất ngành ngân hàng do Công ty Cổ phần Nghiên cứu Kinh doanh Việt Nam (Viet Research) phối hợp cùng Báo Đầu tư bình chọn.</p>
2024	<p>KienlongBank chính thức được vinh danh “Top 10 Doanh nghiệp Sáng tạo và Kinh doanh hiệu quả Việt Nam năm 2024 - VIE 10 - Ngành Ngân hàng” năm thứ 2</p> <p>Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2024</p>

Năm	Quá trình hình thành và phát triển
	<p>Ngân hàng có dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2024</p> <p>Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2024.</p> <p>Năm 2024, tổng tài sản của KienlongBank đạt 92.176 tỷ VND. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của KienlongBank đạt 1.112 tỷ VND tăng 54,7% so với năm 2023, hoàn thành 139% kế hoạch lợi nhuận năm 2024 đã được ĐHĐCĐ của Ngân hàng thông qua.</p>
2025	<p>Top 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc Việt Nam năm 2025 do Vietnam Report và Báo VietNamNet bình chọn.</p> <p>Top 10 Ngân hàng – ESG Việt Nam Xanh 2025 (ESG10).</p> <p>Top 100 Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2025.</p> <p>KienlongBank nhận được bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang vì những đóng góp tích cực trong sự phát triển của tỉnh.</p> <p>Tăng vốn điều lệ lên 5.821.705.260.000 đồng.</p>

3. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng

Cơ cấu tổ chức của KienlongBank như sau:

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của KienlongBank



Mô hình tổ chức của KienlongBank bao gồm ngân hàng mẹ và công ty con, các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện. Hệ thống mạng lưới kinh doanh và hoạt động của KienlongBank tính đến 30/09/2025 bao gồm:

❖ Trụ sở chính Ngân hàng TMCP Kiên Long:

Địa chỉ: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: (029) 7386 9950

Fax: (029) 7387 7538

Trụ sở chính của Ngân hàng là nơi đặt văn phòng làm việc của Ban Tổng Giám đốc và

Phòng/Ban nghiệp vụ.

❖ **Công ty con:**

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Kiên Long (KBA)

Địa chỉ: Tầng 6, số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: (029) 7386 9950

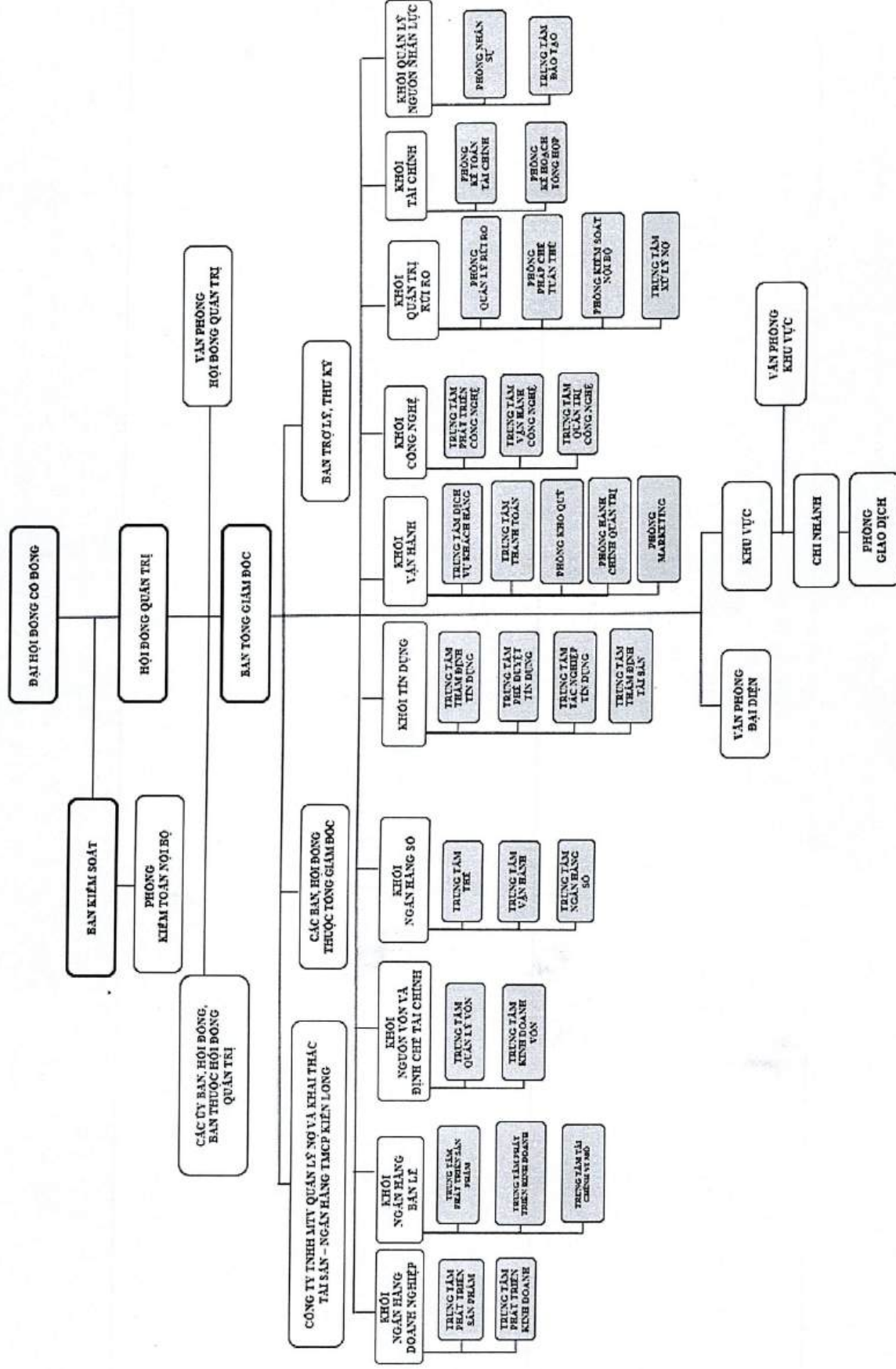
❖ **Các Chi nhánh, phòng giao dịch, các điểm giao dịch:**

Tại thời điểm 30/09/2025, Ngân hàng có 02 văn phòng đại diện, 134 chi nhánh và phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Ngân hàng

Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của KienlongBank



4.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng. ĐHĐCĐ có những quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan.

4.2. Hội đồng quản trị và các Ủy ban/Hội đồng trực thuộc

4.2.1. Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của KienlongBank phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh KienlongBank trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và người quản lý khác. HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan.

4.2.2. Ủy ban Nhân sự

Tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT, người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của KienlongBank; Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên BKS và Người điều hành ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ KienlongBank; và các chức năng, nhiệm vụ khác do HĐQT giao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Nhân sự theo quy định pháp luật.

4.2.3. Ủy ban Quản lý rủi ro

Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động của KienlongBank thuộc thẩm quyền ban hành của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ KienlongBank ...; và các nhiệm vụ và quyền hạn khác do HĐQT giao.

4.2.4. Hội đồng Xử lý rủi ro

Phê duyệt báo cáo tổng hợp toàn hệ thống về kết quả thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, bao gồm kết quả xử lý tài sản bảo đảm và xác định rõ cơ sở của việc phê duyệt ...; và các nhiệm vụ và quyền hạn khác do HĐQT giao.

4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra; Giám sát hoạt động quản trị, điều hành KienlongBank trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ của KienlongBank. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan.

4.4. Ban Điều hành và các Hội đồng trực thuộc Tổng Giám đốc

4.4.1. Tổng Giám đốc

Quản lý, điều hành, quyết định và chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các hoạt động kinh doanh hàng ngày của KienlongBank, phù hợp với trách nhiệm, quyền hạn của Tổng Giám đốc được

quy định tại Điều lệ KienlongBank, Hợp đồng lao động, các quyết định của HĐQT và HĐQT, các quy định của pháp luật;

4.4.2. Các Phó Tổng Giám đốc

- *Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối/Phòng/Trung tâm Hội sở*

Quản lý, điều hành, giám sát các hoạt động của Khối/Phòng/Trung tâm Hội sở phụ trách theo phân công nhiệm vụ của Tổng Giám đốc từng thời kỳ, bảo đảm Khối/Phòng/Trung tâm Hội sở hoạt động đúng kế hoạch và chiến lược của KienlongBank; chịu trách nhiệm cao nhất về kết quả hoạt động của Khối/Phòng/Trung tâm Hội sở trước Ban Điều hành;

- *Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khu vực*

Quản lý, điều hành, giám sát các hoạt động kinh doanh của các Đơn vị tại Khu vực phụ trách, bảo đảm Đơn vị hoạt động kinh doanh đúng kế hoạch và chiến lược của KienlongBank; chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của các Đơn vị tại Khu vực;

4.4.3. Kế toán trưởng

Tổ chức, quản lý, điều hành, giám sát toàn bộ công tác kế toán tài chính của toàn hệ thống KienlongBank; và thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công hoặc uỷ quyền của Tổng Giám đốc.

4.4.4. Các Hội đồng trực thuộc Tổng Giám đốc

4.4.4.1. Hội đồng Quản lý vốn

Hội đồng Quản lý vốn thực hiện đề xuất, tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc:

- Thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn;
- Thực hiện chỉ đạo của HĐQT về việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
- Các nội dung cụ thể khác do HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc quy định.

4.4.4.2. Hội đồng rủi ro

Hội đồng rủi ro thực hiện đề xuất, tham mưu Tổng Giám đốc trong việc:

- Lập quy trình xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro tại KienlongBank;
- Thực hiện chính sách quản lý rủi ro và đánh giá chính sách quản lý rủi ro để đề xuất HĐQT điều chỉnh;
- Xây dựng và thực hiện hạn mức rủi ro, đề xuất phân bổ hạn mức rủi ro theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động nghiệp vụ; thực hiện các biện pháp xử lý khi không đáp ứng được các hạn mức rủi ro;
- Tổ chức thực hiện chỉ đạo của HĐQT trong việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
- Tự kiểm tra, đánh giá về quản lý rủi ro và đề xuất HĐQT các biện pháp xử lý, khắc phục;

- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định pháp luật và phân công của TGD.

4.4.4.3. **Hội đồng quản lý Tài sản/Nợ phải trả (ALCO)**

Hội đồng ALCO thực hiện đề xuất, tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc:

- Quản lý bảng cân đối tài sản hiệu quả, phù hợp với chính sách quản lý rủi ro;
- Rà soát, đề xuất kế hoạch huy động vốn, kế hoạch sử dụng vốn, nguyên tắc xây dựng giá điều chuyển vốn nội bộ;
- Xây dựng khung lãi suất, khung giá cho các sản phẩm khác để quản lý tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính;
- Kiểm soát hoạt động kinh doanh đảm bảo tuân thủ hạn mức rủi ro thanh khoản, hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, tổng tài sản tính theo rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng;
- Các nội dung cụ thể khác do HĐQT hoặc Tổng Giám đốc quy định.

4.5. Văn phòng Hội đồng quản trị

- Thực hiện công tác thư ký cho Ngân hàng, ĐHĐCĐ, BKS, HĐQT và các Ủy ban/Hội đồng trực thuộc HĐQT;
- Thực hiện công tác quan hệ cổ đông (quản lý danh sách cổ đông, cổ phần/cổ phiếu, chuyển nhượng cổ phần; tiếp nhận và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông);
- Tiếp nhận, xử lý, đề xuất cho HĐQT và các Ủy ban/Hội đồng trực thuộc HĐQT các vấn đề liên quan đến công tác chuyên môn trong hoạt động kinh doanh của KienlongBank thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

4.6. Ban Trợ lý, Thư ký Ban Tổng Giám đốc

- Tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển, chính sách kinh doanh, sản phẩm dịch vụ và chỉ tiêu kế hoạch hàng năm;
- Tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo và theo dõi việc lập và triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động, chương trình công tác của các Khu vực, Khối, Phòng/Trung tâm Hội sở và Đơn vị;
- Quản lý, lưu giữ các hồ sơ, tài liệu khác theo các quy định nội bộ của KienlongBank và theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban Tổng Giám đốc và quy định của KienlongBank.

4.7. Phòng Kiểm toán nội bộ

- Tham mưu, giúp việc cho BKS trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của BKS;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm tra đối với Hội sở, Chi nhánh, Phòng Giao dịch và Đơn vị phụ thuộc khác của KienlongBank theo kế hoạch kiểm toán hàng năm được phê duyệt và các kế hoạch đột xuất khác theo quyết định của BKS;
- Thực hiện các kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác đối với KTNB;
- Lập báo cáo về KTNB theo quy định pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan chức năng;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của BKS.

4.8. Các Khối/Trung tâm/Phòng thuộc Hội sở

4.8.1. Khối Tín dụng

- **Trung tâm Thẩm định tín dụng**

- Đầu mối tổ chức quản lý, điều hành hoạt động thẩm định tín dụng các hồ sơ cấp tín dụng vượt thẩm quyền của ĐVKD để phục vụ việc ra quyết định tín dụng của các cấp phê duyệt theo quy định của KienlongBank từng thời kỳ (không bao gồm các công việc liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá tài sản bảo đảm cho các khoản cấp tín dụng và các tài sản khác liên quan đến việc cấp tín dụng);
- Thực hiện các chức năng khác theo phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối.

- **Trung tâm Phê duyệt tín dụng**

- Đầu mối thực hiện chức năng phê duyệt cấp tín dụng cho Khách hàng theo đề xuất của ĐVKD/Trung tâm Thẩm định tín dụng theo đúng quy định của KienlongBank từng thời kỳ;
- Thực hiện các chức năng khác theo phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối.

- **Trung tâm Tác nghiệp tín dụng**

- Chịu trách nhiệm phụ trách chính sách nghiệp vụ thẩm định tín dụng, phê duyệt cấp tín dụng, hỗ trợ tín dụng trên toàn hệ thống KienlongBank; Thực hiện các công việc thuộc phần nghiệp vụ hỗ trợ tín dụng cho tất cả các ĐVKD trên toàn hệ thống của KienlongBank theo phạm vi tác nghiệp do Tổng Giám đốc phê duyệt trong từng thời kỳ;
- Thực hiện các chức năng khác theo phân công của hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối.

- **Trung tâm Thẩm định tài sản**

- Đầu mối thực hiện các công việc liên quan đến chính sách thẩm định giá trên toàn hệ thống KienlongBank; Thực hiện định giá đối với các tài sản theo thẩm quyền được phân giao trong từng thời kỳ;
- Thực hiện các chức năng khác theo quy định nội bộ và theo phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối.

4.8.2. Khối Ngân hàng doanh nghiệp

- **Trung tâm Phát triển sản phẩm**

- Xây dựng và phát triển sản phẩm, chính sách tín dụng, phí tín dụng cho Khách hàng doanh nghiệp;
- Xây dựng chính sách dành cho Khách hàng doanh nghiệp (bao gồm: biểu lãi suất, biểu phí, các gói sản phẩm và các chính sách phát triển khách hàng doanh nghiệp...);
- Thực hiện các công việc khác theo quy định nội bộ và theo ủy quyền, phân công của Ban Giám đốc Khối.

• **Trung tâm Phát triển kinh doanh**

- Xây dựng chỉ tiêu kinh doanh đối với khách hàng doanh nghiệp trên toàn hệ thống;
- Quản lý số liệu đối với khách hàng doanh nghiệp tại KienlongBank;
- Phát triển kinh doanh, triển khai công tác phát triển khách hàng doanh nghiệp;
- Triển khai các công việc khác theo quy định nội bộ và theo ủy quyền, phân giao của Ban Giám đốc Khối.

4.8.3. Khối Ngân hàng bán lẻ

• **Trung tâm Phát triển sản phẩm**

- Xây dựng chính sách, chương trình, định hướng kinh doanh, phát triển sản phẩm, cơ chế giá, phí của sản phẩm tín dụng, sản phẩm phi tín dụng (bao gồm tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn) và dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân do Khối phụ trách;
- dụng, sản phẩm phi tín dụng (bao gồm tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn) và dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân do Khối phụ trách;
- Theo dõi, đánh giá tình hình triển khai các chính sách, sản phẩm, chương trình tín dụng, phi tín dụng dành cho khách hàng cá nhân;
- Thực hiện các công việc khác theo ủy quyền, phân công của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối.

• **Trung tâm Phát triển kinh doanh**

- Xây dựng, duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác nhằm phát triển các sản phẩm dịch vụ cho khách hàng cá nhân và nâng cao trải nghiệm của khách hàng (bao gồm sản phẩm bảo hiểm và sản phẩm dịch vụ khác);
- Tham mưu, đề xuất các chính sách, giải pháp quản lý và phát triển đối tác dành cho khách hàng cá nhân;
- Thực hiện các công việc khác theo quy định nội bộ và theo ủy quyền, phân công của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối.

• **Trung tâm Tài chính vi mô**

- Xây dựng chính sách, chương trình, định hướng kinh doanh, phát triển sản phẩm, cơ chế giá, phí sản phẩm tín dụng vi mô (Sản phẩm cho vay trả góp ngày, các sản phẩm tín dụng vi mô khác);
- Nghiên cứu thị trường; phân khúc khách hàng đối với các sản phẩm tín dụng vi mô (Sản phẩm cho vay trả góp ngày, các sản phẩm tín dụng vi mô khác);
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định nội bộ và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối.

4.8.4. Khối Nguồn vốn và Định chế tài chính

• **Trung tâm Quản lý vốn**

- Đề xuất, tham mưu cho Hội đồng Quản lý tài sản/nợ phải trả (Hội đồng ALCO) cơ cấu bảng cân đối hiệu quả, phù hợp với chiến lược, kế hoạch kinh doanh của KienlongBank và tình hình thị trường nhằm tối ưu chi phí đồng thời đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và khẩu vị, chính sách, hạn mức rủi ro của Ngân hàng;

- Đánh giá nhu cầu nguồn vốn và sử dụng vốn, thực hiện chức năng Quản lý vốn nội bộ trong toàn hệ thống KienlongBank;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định nội bộ và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối, Ban Giám đốc Trung tâm.
- **Trung tâm Kinh doanh vốn**
 - Thực hiện các kế hoạch, chỉ tiêu kinh doanh lãi suất trên thị trường liên ngân hàng, giao dịch vốn với Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước;
 - Thực hiện các kế hoạch, chỉ tiêu kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh;
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định nội bộ và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối, Ban Giám đốc Trung tâm.

4.8.5. Khối Ngân hàng số

- **Trung tâm thẻ**
 - Phát triển Sản phẩm, dịch vụ Thẻ - Tuân Thủ;
 - Kinh Doanh Thẻ;
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định nội bộ và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối, Ban Giám đốc Trung tâm.
- **Trung tâm Ngân hàng số**
 - Phân tích Sản phẩm số và Trải nghiệm sản phẩm số;
 - Giải pháp số;
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định nội bộ và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối, Ban Giám đốc Trung tâm.
- **Trung tâm Vận hành**
 - Phát hành Thẻ;
 - Hỗ trợ nghiệp vụ Thẻ và Ngân hàng điện tử;
 - Xử lý khiếu nại liên quan đến Thẻ và Ngân hàng số;
 - Đối soát và kiểm soát giao dịch liên quan đến sản phẩm, dịch vụ Thẻ và Ngân hàng số;
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định nội bộ và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối, Ban Giám đốc Trung tâm.

4.8.6. Khối Vận hành

- **Trung tâm thanh toán**
 - Xây dựng và phát triển sản phẩm, dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế;
 - Xây dựng biểu phí thanh toán trong nước, quốc tế;
 - Tham mưu, tư vấn nghiệp vụ thanh toán trong nước và quốc tế;
 - Thực hiện các chức năng khác theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối.
- **Trung tâm Dịch vụ khách hàng**
 - Quản lý hoạt động dịch vụ khách hàng trực tuyến (Call Center);
 - Quản lý chất lượng dịch vụ khách hàng;

- Quản lý việc thực hiện 5S trên toàn hệ thống KienlongBank;
- Lưu trữ thông tin, lập báo cáo;
- Xây dựng quy chế, quy định và quy trình.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định nội bộ và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Khối.
- **Phòng Kho quỹ**
 - Xây dựng chính sách quản lý nghiệp vụ kho quỹ;
 - Kiểm tra, giám sát tồn quỹ tiền mặt tại Đơn vị;
 - Kiểm soát hoạt động kho quỹ trong toàn hệ thống KienlongBank;
 - Thực hiện các chức năng khác theo quy định nội bộ và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Khối.
- **Phòng Marketing**
 - Quản lý quyền sở hữu trí tuệ;
 - Quản lý bộ nhận diện thương hiệu;
 - Truyền thông đại chúng;
 - Thực hiện các chương trình khuyến mại/tiếp thị, quảng bá sản phẩm, dịch vụ;
 - Thực hiện các chức năng khác theo quy định nội bộ và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối.
- **Phòng Hành chính quản trị**
 - Quản lý thông tin mạng lưới;
 - Quản lý xây dựng;
 - Tham gia mua sắm tập trung;
 - Mua sắm hàng hóa/dịch vụ;
 - Văn thư lưu trữ, lễ tân;
 - Quản lý bảo vệ, đội xe và công tác dịch vụ hậu cần;
 - Thực hiện các chức năng khác theo quy định nội bộ và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối.
- 4.8.7. Khối Công nghệ**
 - **Trung tâm Phát triển công nghệ**
 - Nghiên cứu và phát triển giải pháp công nghệ áp dụng cho KienlongBank;
 - Phân tích, khai thác số liệu, hỗ trợ nghiệp vụ;
 - Thực hiện các chức năng khác theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối.
 - **Trung tâm Vận hành công nghệ**
 - Vận hành dịch vụ CNTT;
 - Xây dựng kiến trúc hạ tầng CNTT;
 - Xây dựng và đảm bảo thực hiện chính sách an ninh bảo mật hệ thống CNTT;
 - Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị phục vụ thanh toán;

- Thực hiện các chức năng khác theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối.
- **Trung tâm Quản trị công nghệ**
 - Xây dựng chiến lược, kế hoạch ứng dụng và phát triển hệ thống CNTT; quản lý rủi ro hệ thống CNTT tại KienlongBank;
 - Quản trị dịch vụ công nghệ;
 - Thực hiện các chức năng khác theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối.

4.8.8. Khối Quản trị rủi ro

- **Trung tâm Xử lý nợ**
 - Trực tiếp xử lý thu hồi nợ xấu;
 - Tư vấn pháp lý về công tác quản lý và xử lý nợ;
 - Thực hiện nghiệp vụ mua, bán nợ xấu;
 - Bán tài sản xử lý nợ;
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định nội bộ và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Khối.
- **Phòng Quản lý rủi ro**
 - Quản lý rủi ro tín dụng;
 - Quản lý rủi ro hoạt động;
 - Quản lý rủi ro thanh khoản;
 - Thực hiện quản lý, giám sát, cảnh báo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động của KienlongBank;
 - Thực hiện các chức năng khác theo quy định nội bộ và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Khối.
- **Phòng Pháp chế tuân thủ**
 - Soạn thảo/thẩm định văn bản của KienlongBank phát hành;
 - Tư vấn pháp lý;
 - Tiếp nhận và xử lý các đề xuất của Phòng Kiểm soát nội bộ về chỉnh sửa, bổ sung các văn bản quy phạm nội bộ và các sai phạm của Đơn vị và cá nhân trong toàn hệ thống KienlongBank;
 - Thực hiện các chức năng khác theo quy định nội bộ và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Khối.
- **Phòng Kiểm soát nội bộ**
 - Xây dựng chính sách kiểm soát nội bộ;
 - Thực hiện kiểm tra tính tuân thủ theo Quyết định của Tổng Giám đốc;
 - Kiểm soát tính tuân thủ tại Đơn vị (do Bộ phận Kiểm soát nội bộ tại Đơn vị thực hiện).
 - Xem xét và trình Tổng Giám đốc giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của khách hàng và của các cá nhân, Đơn vị có liên quan đến hoạt động của KienlongBank;

- Thực hiện các chức năng khác theo quy định nội bộ và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Khối.

4.8.9. Khối Tài chính

- **Phòng Kế toán tài chính**

- Công tác kế toán;
- Kế hoạch chi phí;
- Đề xuất phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của KienlongBank;
- Báo cáo thống kê, báo cáo tài chính định kỳ và báo cáo đột xuất theo quy định;
- Thực hiện các chức năng khác theo quy định nội bộ và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Khối.

- **Phòng Kế hoạch tổng hợp**

- Xây dựng kế hoạch toàn hệ thống KienlongBank;
- Thực hiện báo cáo quản trị;
- Thực hiện các chức năng khác theo quy định nội bộ và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Khối.

4.8.10. Khối Quản lý nguồn nhân lực

- **Phòng Nhân sự**

- Hoạch định chiến lược quản trị và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với định hướng chiến lược kinh doanh của KienlongBank;
- Xây dựng hệ thống chính sách, quy chế, quy định, quy trình liên quan đến công tác quản trị và phát triển nguồn nhân lực;
- Quản trị hệ thống thông tin nhân sự nhằm đảm bảo thực hiện theo chiến lược chung của KienlongBank;
- Thực hiện các chức năng có liên quan khác theo quy định nội bộ và theo yêu cầu của TGD, UBNS, Chủ tịch HĐQT, HĐQT.

- **Trung tâm Đào tạo**

- Chịu trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, ngân sách đào tạo (bao gồm đào tạo trực tiếp và đào tạo E-learning), nghiên cứu và đề xuất các chương trình và phương pháp đào tạo phù hợp theo chính sách/quy trình đào tạo; Tham gia thiết kế, tổ chức và thực hiện các chương trình đào tạo trực tiếp, phát triển đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm công tác đào tạo tại các Đơn vị kinh doanh/Hội sở và trực tiếp giảng dạy một số chương trình đào tạo phù hợp với kinh nghiệm và năng lực;
- Chủ trì việc đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu công việc cho hiện tại và trong tương lai theo tầm nhìn, định hướng, chiến lược kinh doanh của KienlongBank theo mục tiêu, chiến lược quản trị và phát triển nguồn nhân lực của KienlongBank;
- Thực hiện chức năng có liên quan khác theo quy định nội bộ và theo phân công của Ban Lãnh đạo.

4.9. Khu vực

4.9.1. Văn phòng Khu vực

Chức năng, trách nhiệm của Văn phòng khu vực được thực hiện theo chức năng, trách nhiệm của các Phòng/Trung tâm Hội sở mà Phòng/Trung tâm Hội sở đó có Bộ phận được bố trí tại Văn phòng Khu vực.

4.9.2. Chi nhánh

- Thực hiện công tác kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ: huy động, tín dụng, thẻ, ngân hàng điện tử, thanh toán quốc tế và các dịch vụ khác của KienlongBank đến với khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp;
- Quản lý chất lượng tín dụng, tài sản đảm bảo, tình hình sử dụng vốn vay của khách hàng, thực hiện công tác thu hồi nợ trong phạm vi chức năng;
- Kiểm soát các hoạt động rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động;
- Các chức năng khác theo quy định nội bộ và theo chỉ đạo, định hướng, giao quyền của Tổng Giám đốc và theo Quy định, Quy trình, văn bản khác của KienlongBank.

4.9.3. Phòng Giao dịch

- Thực hiện công tác kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ: huy động, tín dụng, thẻ, ngân hàng điện tử và các dịch vụ khác của KienlongBank đến với KHCN, KHDN;
- Quản lý chất lượng tín dụng, tài sản bảo đảm, tình hình sử dụng vốn vay của khách hàng, thực hiện công tác thu hồi nợ trong phạm vi chức năng;
- Các chức năng khác theo quy định nội bộ và theo chỉ đạo, định hướng, giao quyền của Tổng Giám đốc theo quy định của KienlongBank.

4.10. Văn phòng đại diện

- Thực hiện quyền và nhiệm vụ theo sự phân công/ủy quyền của Tổng Giám đốc và/hoặc cấp có thẩm quyền nhằm hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động kinh doanh của các Đơn vị kinh doanh tại địa bàn quản lý hoạt động của Văn phòng đại diện;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc và/hoặc cấp có thẩm quyền xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, xây dựng các giải pháp điều hành phù hợp cho từng giai đoạn phát triển và hoạt động kinh doanh tại địa bàn quản lý hoạt động của Văn phòng đại diện;
- Thực hiện quyền và nhiệm vụ theo sự phân công/ủy quyền của Tổng Giám đốc và/hoặc cấp có thẩm quyền nhằm hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động kinh doanh của các Đơn vị kinh doanh trên địa bàn quản lý hoạt động của Văn phòng đại diện đạt hiệu quả tốt, tuân thủ quy định của KienlongBank và pháp luật;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định nội bộ và theo phân công/ủy quyền của Tổng Giám đốc.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:

Danh sách các công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại như sau:

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không có

5.2. Thông tin về công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

Bảng 3: Danh sách các công ty con của KienlongBank

Đơn vị: tỷ Đồng

Tên công ty	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Thời điểm	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ % sở hữu của KienlongBank	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu KienlongBank
Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Kiên Long Ngày thành lập: 12/11/2010	Số 170145290	31/12/2023	500	100%	0%
	5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 12/11/2010 và các lần đăng ký thay đổi	31/12/2024	500	100%	0%
		30/09/2025	500	100%	0%

Nguồn: KienlongBank

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản -Ngân hàng TMCP Kiên Long (“KBA”):

- Ngành nghề kinh doanh chính:

- Hoạt động trung gian tiền tệ khác. Chi tiết: thực hiện các hoạt động kinh doanh khác theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Kiên Long phù hợp quy định của pháp luật; tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng (bao gồm nợ có tài sản bảo đảm, nợ không có tài sản đảm bảo) và tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố; tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất. Chủ động bán các tài sản bảo đảm nợ vay thuộc quyền định đoạt của ngân hàng theo giá thị trường (giá bán có thể cao hoặc thấp hơn giá trị nợ tồn đọng) theo các hình thức như: tự bán công khai trên thị trường, bán qua trung tâm đấu giá, bán đấu giá, bán cho công ty mua bán nợ của Nhà nước. Cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp như giãn nợ, miễn giảm lãi, đầu tư thêm, chuyển đổi nợ thành vốn góp. Thực hiện xử lý tài sản bảo đảm nợ vay bằng các biện pháp thích hợp như cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác, kinh doanh, góp vốn, liên doanh bằng tài sản để thu hồi nợ. Mua bán nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng khác, của công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của ngân hàng khác theo quy định của pháp luật;
- Môi giới bất động sản, định giá bất động sản;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà kho, nhà xưởng, cho thuê quyền sử dụng đất.

- Kết quả hoạt động kinh doanh:

Bảng 4: Kết quả hoạt động kinh doanh của KBA

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	6T/2025	9T/2025
Tổng giá trị tài sản	531	533	537	542
Vốn chủ sở hữu	527	529	530	532
Doanh thu thuần	33	40	22	37
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(20)	(6)	(0,4)	(0,4)
Doanh thu hoạt động tài chính	30	18	8	12
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7	6	6	9
Lợi nhuận trước thuế	7	6	6	9
Lợi nhuận sau thuế	6	5	5	7

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, BCTC soát xét 6T/2025, BCTC tự lập 9T/2025 của KBA

- 5.3. Thông tin về những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không có
- 5.4. Thông tin về những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Ngân hàng được thành lập năm 1995 với vốn điều lệ là 1.200.000.000 VND. Trải qua các lần tăng vốn, Ngân hàng đã nâng số vốn điều lệ lên 5.821.705.260.000 VND.

Chi tiết quá trình tăng vốn được trình bày dưới đây:

Bảng 5: Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ kể từ khi thành lập

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (triệu đồng)	VDL sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu) (*)	Căn cứ
1	1995	1.200	1.200	Thành lập	-	<ul style="list-style-type: none"> Giấy phép hoạt động số 0056/NN-GP ngày 18/09/1995 do NHNN cấp với thời gian hoạt động là 50 năm. Giấy phép thành lập số 1115/GP-UB ngày 02/10/1995 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp. Giấy CNĐKKD số 1700197787 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 10/10/1995.
2	1998	800	2.000	Phát hành 800 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới (tỷ lệ 66,67%)	800	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 01/03/1998. Công văn số 365/1998/CV-NHNN5 ngày 28/04/1998 của NHNN.
3	1999	1.210	3.210	Phát hành 1.210 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông mới và CBNV Ngân hàng (tỷ lệ 60,50%)	1.210	<ul style="list-style-type: none"> Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 28/02/1999. Công văn số 711/CV-NHNN5 ngày 04/08/1999 của NHNN.
4	01/2000	1.291	4.501	Phát hành 1.291 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới (tỷ lệ 40,22%)	1.291	<ul style="list-style-type: none"> Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 02/02/2000. Công văn số 972/CV-NHNN5 ngày 06/10/2000 của NHNN.

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (triệu đồng)	VDL sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu) (*)	Căn cứ
5	10/2001	1.000	5.501	Phát hành 1.000 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông mới và CBNV Ngân hàng (tỷ lệ 22,22%)	1.000	- Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 15/01/2001. - Công văn số 198/2001/CV-NHd ngày 03/10/2001 của NHNN.
6	10/2002	1.500	7.001	Phát hành 1.500 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông mới và CBNV Ngân hàng (tỷ lệ 27,27%)	1.500	- Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 03/02/2002. - Công văn số 104/2002/CV-NHd ngày 13/09/2002 của NHNN. - Giấy CNĐKKD đăng ký lần thứ 3, ngày 04/10/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
7	12/2002	1.500	8.501	Phát hành 1.500 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông mới và CBNV Ngân hàng (tỷ lệ 21,43%)	1.500	- Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 22/11/2002. - Công văn số 104/2002/CV-NHd ngày 13/09/2002 của NHNN. - Giấy CNĐKKD đăng ký lần thứ 4, ngày 31/12/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
8	04/2003	1.500	10.001	Phát hành cho 1.500 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông mới và CBNV Ngân hàng (tỷ lệ 17,64%)	1.500	- Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 25/01/2003. - Công văn số 24/2003/CV-NHd ngày 18/03/2003 của NHNN. - Giấy CNĐKKD đăng ký lần thứ 5, ngày 03/04/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
9	09/2003	1.500	11.501	Phát hành 1.500 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông mới và CBNV Ngân hàng (tỷ lệ 15%)	1.500	- Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 25/01/2003. - Công văn số 24/2003/CV-NHd ngày 18/03/2003. - Giấy CNĐKKD đăng ký lần thứ 7, ngày 16/09/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu) (*)	Căn cứ
10	12/2003	1.000	12.501	Phát hành 1.000 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông mới và CBNV Ngân hàng (tỷ lệ 8,69%)	1.000	Giang cấp. - Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 17/11/2003. - Công văn số 11/NHNN-KGI5 ngày 21/11/2003 của NHNN. - Giấy CNĐKKD đăng ký lần thứ 8, ngày 24/12/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
11	06/2004	2.500	15.001	Phát hành 2.500 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới (tỷ lệ 20%)	2.500	- Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 16/01/2004. - Công văn số 61/NHNN-KGI5 ngày 12/04/2004 của NHNN. - Giấy CNĐKKD đăng ký lần thứ 9, ngày 30/06/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
12	10/2004	1.700	16.701	Phát hành 1.700 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới (tỷ lệ 11,33%)	1.700	- Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 16/01/2004. - Công văn số 61/NHNN-KGI5 ngày 12/04/2004 của NHNN. - Giấy CNĐKKD đăng ký lần thứ 10, ngày 30/10/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
13	12/2004	1.300	18.001	Phát hành 1.300 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới (tỷ lệ 7,78%)	1.300	- Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 16/01/2004. - Công văn số 61/NHNN-KGI5 ngày 12/04/2004 của NHNN. - Giấy CNĐKKD đăng ký lần thứ 11, ngày 28/12/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
14	04/2005	2.000	20.001	Phát hành 2.000 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới (tỷ lệ	2.000	- Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 27/04/2005. - Công văn số 72/NHNN-KGI5 ngày 29/04/2005

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu) (*)	Căn cứ
				11,11%)		của NHNN. - Giấy CNĐKKD đăng ký lần thứ 12, ngày 29/04/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
15	06/2005	3.000	23.001	Phát hành 3.000 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới (tỷ lệ 15%)	3.000	- Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 27/04/2005. - Công văn số 72/NHNN-KGI5 ngày 29/04/2005 của NHNN. - Giấy CNĐKKD đăng ký lần thứ 13, ngày 29/06/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
16	09/2005	3.070	26.071	Phát hành 3.070 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới (tỷ lệ 13,35%)	3.070	- Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 27/04/2005. - Công văn số 72/NHNN-KGI5 ngày 29/04/2005 của NHNN. - Giấy CNĐKKD đăng ký lần thứ 14, ngày 30/09/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
17	12/2005	1.968	28.039	Phát hành 1.968 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới (tỷ lệ 7,55%)	1.968	- Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 27/04/2005. - Công văn số 72/NHNN-KGI5 ngày 29/04/2005 của NHNN. - Giấy CNĐKKD đăng ký lần thứ 15, ngày 28/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
18	05/2006	33.994	62.033	Phát hành 33.994 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới (tỷ lệ 121,24%)	33.994	- Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 18/02/2006. - Công văn số 41/NHNN-KGI5 ngày 19/05/2006 của NHNN. - Giấy CNĐKKD đăng ký lần thứ 16, ngày 26/05/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (triệu đồng)	VDL sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu) (*)	Căn cứ
19	07/2006	51.456	113.489	Phát hành 11.456 cổ phiếu theo hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu; Phát hành 40.000 cổ phiếu với giá phát hành là 1.200.000 VND/cổ phiếu theo hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu và CBNV Ngân hàng (tỷ lệ 82,99%)	51.456	<ul style="list-style-type: none"> Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 17/06/2006. Công văn số 75/NHNN-KGI5 ngày 30/06/2006 của NHNN. Giấy CNĐKKD đăng ký lần thứ 17, ngày 05/07/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
20	10/2006	136.514	250.003	Phát hành 6.919 cổ phiếu theo hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu; Phát hành 77.095 cổ phiếu với giá phát hành là 1.200.000 VND/cổ phiếu theo hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu, cổ đông khác mua mới và CBNV Ngân hàng; Phát hành 52.500 cổ phiếu với giá phát hành là 1.600.000 VND/cổ phiếu theo hình thức phát hành cho cổ đông chiến lược. (tỷ lệ 120,29%)	136.514	<ul style="list-style-type: none"> Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 19/10/2006. Công văn số 167/NHNN-KGI5 ngày 20/10/2006 của NHNN. Giấy CNĐKKD đăng ký lần thứ 18, ngày 23/10/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
21	12/2006	40.000	290.003	Phát hành 40.000 cổ phiếu theo hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 0,016%)	40.000	<ul style="list-style-type: none"> Theo quyết định của ĐHCĐ họp ngày 19/10/2006. Công văn số 164/NHNN-KGI5 ngày 22/12/2006 của NHNN. Giấy CNĐKKD đăng ký lần thứ 19, ngày 27/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (triệu đồng)	VDL sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu) (*)	Căn cứ
22	2007	290.003	580.006	Phát hành 290.003 cổ phiếu với giá phát hành là 1.000.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 100%)	290.003	Giang cấp. - Theo quyết định của ĐHĐCĐ họp ngày 26/05/2007. - Công văn số 97/NHNN-KGI5 ngày 28/05/2007 của NHNN. - Giấy CNĐKKD đăng ký thay đổi lần 20, ngày 29/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
23	2008	419.994	1.000.000	Phát hành 41.999.400 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu theo hình thức phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và CBNV Ngân hàng (tỷ lệ 72,41%)	41.999.400	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 30/06/2008. - Công văn số 250/NHNN-KG ngày 26/11/2007 của NHNN. - Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán số 320/UBCK-GCN ngày 22/08/2008 của UBCKNN. - Giấy CNĐKKD đăng ký thay đổi lần 22, ngày 22/12/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
24	06/2010	1.000.000	2.000.000	Phát hành 100.000.000 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu theo hình thức phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và CBNV Ngân hàng (tỷ lệ 100%)	100.000.000	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 17/04/2009. - Công văn số 78/NHNN-KGI ngày 09/03/2010 của NHNN. - Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán số 563/UBCK-GCN ngày 14/05/2010 của UBCKNN. - Giấy CNĐKKD đăng ký thay đổi lần 25, ngày 30/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
25	12/2010	1.000.000	3.000.000	Phát hành 100.000.000 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu theo hình thức phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược và CBNV Ngân hàng (tỷ lệ 100%)	100.000.000	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 13/06/2010. - Công văn số 6707/NHNN-KGI ngày 06/09/2010 của NHNN.

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (triệu đồng)	VDL sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu) (*)	Căn cứ
				50%)		<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo chào bán cổ phần riêng lẻ ngày 08/12/2010. - Báo cáo kết quả chào bán cổ phần riêng lẻ số 07/BC-NHKL ngày 04/01/2011. - Giấy CNĐKDN đăng ký thay đổi lần 26, ngày 31/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
26	09/2018	236.957,96	3.236.957,96	Phát hành 23.695.796 cổ phiếu theo hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức; phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 7,90%)	23.695.796	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 26/04/2018. - Công văn số 6271/NHNN-TTGSNH ngày 28/08/2018 và số 2360/QĐ-NHNN ngày 30/11/2018 của NHNN. - Công văn số 5395/UBCK-QLPH ngày 27/08/2018 của UBCKNN. - Giấy CNĐKDN đăng ký thay đổi lần 39, ngày 27/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
27	12/2021	415.860,82	3.652.818,78	Phát hành 41.586.082 cổ phiếu theo hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức (tỷ lệ 12,85%)	41.586.082	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 29/04/2021. - Công văn số 6347/NHNN-TTGSNH ngày 07/09/2021 của NHNN. - Công văn số 3886/UBCK-PTTT ngày 23/07/2021 của UBCKNN. - Giấy CNĐKDN đăng ký thay đổi lần 40, ngày 17/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
28	09/2025	2.168.886,48	5.821.705,26	Phát hành 216.888.648 cổ phiếu theo hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức (tỷ lệ 60%)	216.888.648	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 15/07/2025. - Công văn số 7787/NHNN-QLGS ngày 08/09/2025 của NHNN. - Công văn số 5209/UBCK-QLCB ngày 12/9/2025 của UBCKNN. - Công văn số 6020/UBCK-QLCB ngày

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (triệu đồng)	VDL sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu) (*)	Căn cứ
						06/10/2025 của UBCKNN. - Quyết định số 3462/QĐ-NHNN ngày 15/10/2025 của NHNN về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long.

Nguồn: KienlongBank

(*) Từ thời điểm năm 1995 đến 31/12/2007: Mệnh giá 1.000.000 đồng/cổ phần; Từ thời điểm ngày 01/01/2008 đến nay: Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

- Kể từ khi thành lập đến nay, Ngân hàng không có đợt giảm vốn điều lệ nào.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán: Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại thời điểm thực hiện: Không có

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành:

8.1 Cổ phiếu phổ thông:

Bảng 6: Cơ cấu cổ đông tại ngày 20/10/2025

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ phiếu quỹ	1	3.800.000	0,65
2	Trong nước	4.853	570.293.561	97,96
a	Cá nhân trong nước	4.830	456.027.462	78,33
b	Tổ chức trong nước	23	114.266.099	19,63
3	Nước ngoài	30	8.076.965	1,39
a	Cá nhân nước ngoài	28	155.885	0,03
b	Tổ chức nước ngoài	2	7.921.080	1,36
4	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0,00
	Tổng cộng	4.884	582.170.526	100

Nguồn: Danh sách cổ đông của KienlongBank chốt tại ngày 20/10/2025 do VSDC cấp

8.2 Cổ phiếu ưu đãi: Không có

8.3 Các loại chứng khoán khác:

Bảng 7: Chi tiết các loại trái phiếu đang lưu hành

TT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (tỷ đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	Năm 2024					
Trái phiếu ra công chúng						
1	KLB7Y202401	21/12/2024	800	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành.

TT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (tỷ đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
II	Năm 2025					
Trái phiếu ra công chúng						
1	KLB7Y202402	29/04/2025	800	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành.
2	KLB7Y202403	31/07/2025	900	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành.
Tổng			2.500			

Nguồn: KienlongBank

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại KienlongBank theo quy định pháp luật: 30%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại KienlongBank theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại KienlongBank hiện tại (theo Văn bản số 3886/UBCK-PTTT ngày 23/7/2021 về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Ngân hàng TMCP Kiên Long): 30%

10. Hoạt động kinh doanh

10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1 Loại sản phẩm, dịch vụ

a. Danh mục sản phẩm và Dịch vụ truyền thống:

Định hướng chiến lược quan trọng hàng đầu của KienlongBank trong giai đoạn hiện nay là phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng bán lẻ. Đây là tiền đề giúp KienlongBank mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo nguồn vốn trung, dài hạn và ổn định để phục vụ phát triển kinh tế. Với nguồn lực tài chính của mình, Ngân hàng đã và đang triển khai các giải pháp tài chính chủ lực cho các nhóm đối tượng khách hàng khác nhau, góp phần thúc đẩy tài chính bền vững, hỗ trợ phát triển cộng đồng.

Một số sản phẩm, dịch vụ chính của KienlongBank bao gồm:

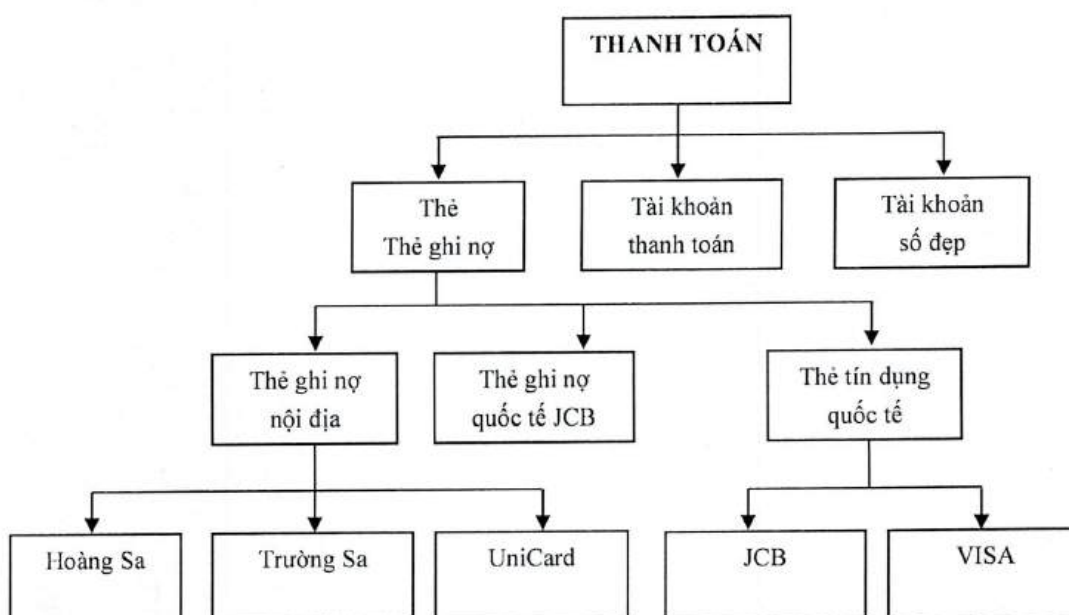
- Tiền gửi – Tiết kiệm
- Tín dụng
- Thẻ

- Dịch vụ

• Khách hàng cá nhân

Sản phẩm thanh toán & tín dụng

Gói sản phẩm thanh toán của KienlongBank bao gồm các dịch vụ tài khoản số đẹp, thẻ... giúp khách hàng thanh toán, nhận tiền một cách nhanh chóng, tiện lợi.



KienlongBank phát hành đa dạng các loại thẻ, tiên phong trong việc đổi mới sáng tạo, đa dạng hóa sản phẩm, phát triển dịch vụ mới, nâng cao chất lượng dịch vụ và ứng dụng công nghệ hiện đại. Với định hướng và chiến lược đúng đắn, năm 2023, ngoài các sản phẩm thẻ truyền thống, KienlongBank đã phát hành thẻ JCB Contactless và đạt giải thưởng “Sản phẩm và giải pháp truyền cảm hứng 2022” do JCB trao tặng.

Trước đó, Ngân hàng đã thực hiện chuyển đổi thành công hệ thống Core Thẻ mới - SmartVista. Với nền tảng mới sẽ giúp gia tăng tính bảo mật, thêm tiện ích sử dụng cho Khách hàng. Ngoài ra, bằng việc tích hợp với ứng dụng KienlongBank Plus, Khách hàng có thể thực hiện tính năng mở/ khóa/ kích hoạt/ đổi mã pin thẻ trực tuyến.

Song song với đó, trong hệ sinh thái của mình, Khách hàng giờ đây có thể thực hiện việc rút/chuyển tiền liên ngân hàng mà không cần sử dụng thẻ vật lý thông qua tính năng quét mã QR trên hệ thống máy ATM từ ứng dụng Mobile Banking của ngân hàng. Cách làm này giúp tối ưu chi phí, đẩy mạnh các giao dịch thanh toán không tiền mặt cũng như chung tay góp phần bảo vệ môi trường.

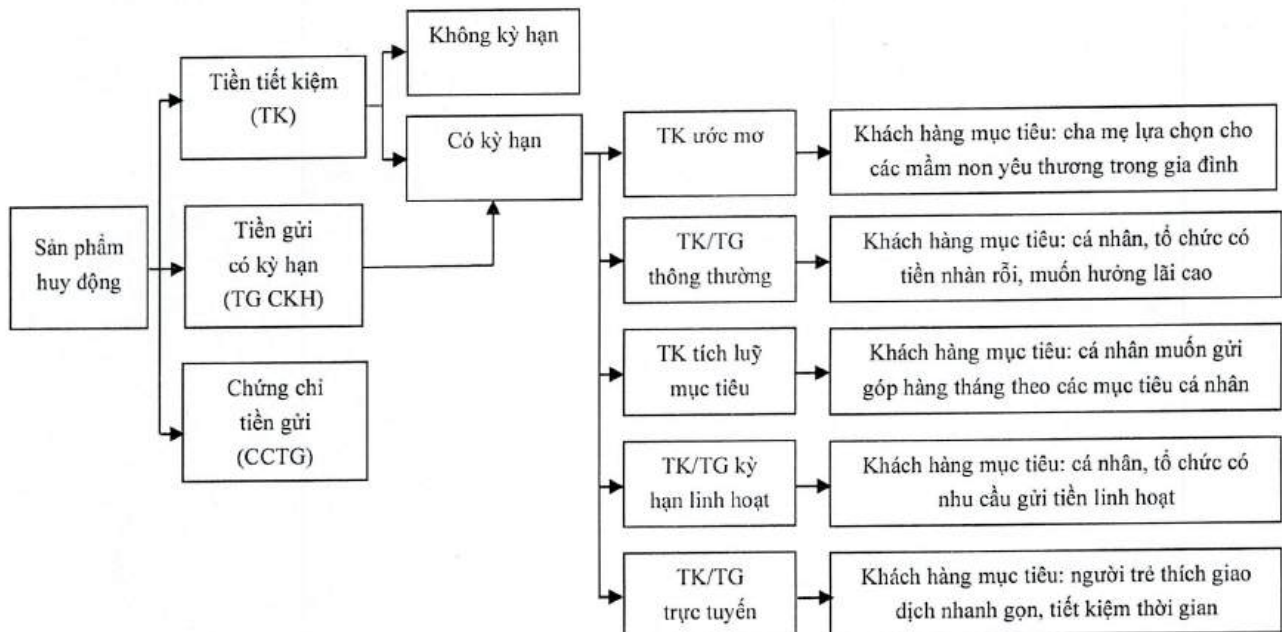
Ngoài lựa chọn tài khoản thông thường, KienlongBank còn cung cấp dịch vụ Tài khoản số đẹp theo ngày tháng năm sinh, hoặc các dãy số mang ý nghĩa may mắn trong công việc và cuộc sống. KienlongBank cung cấp vô vàn số đẹp để lựa chọn với nhiều loại tài khoản thanh toán, thể hiện phong cách, đẳng cấp.

Trong lĩnh vực tín dụng, KienlongBank thấu hiểu các nhu cầu vốn từ sản xuất, kinh doanh đến phục vụ đời sống của Khách hàng. Với KHCN, KienlongBank triển khai các gói vay ưu đãi thông qua các chương trình: “Lãi 0 đồng - Thông nguồn vốn”, “Đặc quyền ưu đãi”. Bên cạnh đó,

KienlongBank còn ưu đãi miễn phí 100% phí dịch vụ chuyển tiền quốc tế chiều đi dành tặng cho tất cả khách hàng.

Đồng hành cùng Phụ nữ Việt, KienlongBank triển khai gói tín dụng ưu đãi dành cho các khách hàng nữ là Hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã/phường/thị trấn tại khu vực các tỉnh Đắk Lắk, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định,... KienlongBank thiết kế, may đo riêng những ưu đãi đặc quyền dành cho khách hàng nữ, tạo điều kiện thuận lợi để chị em có cơ hội tiếp cận được nguồn vốn vay ưu đãi một cách nhanh nhất.

Sản phẩm huy động

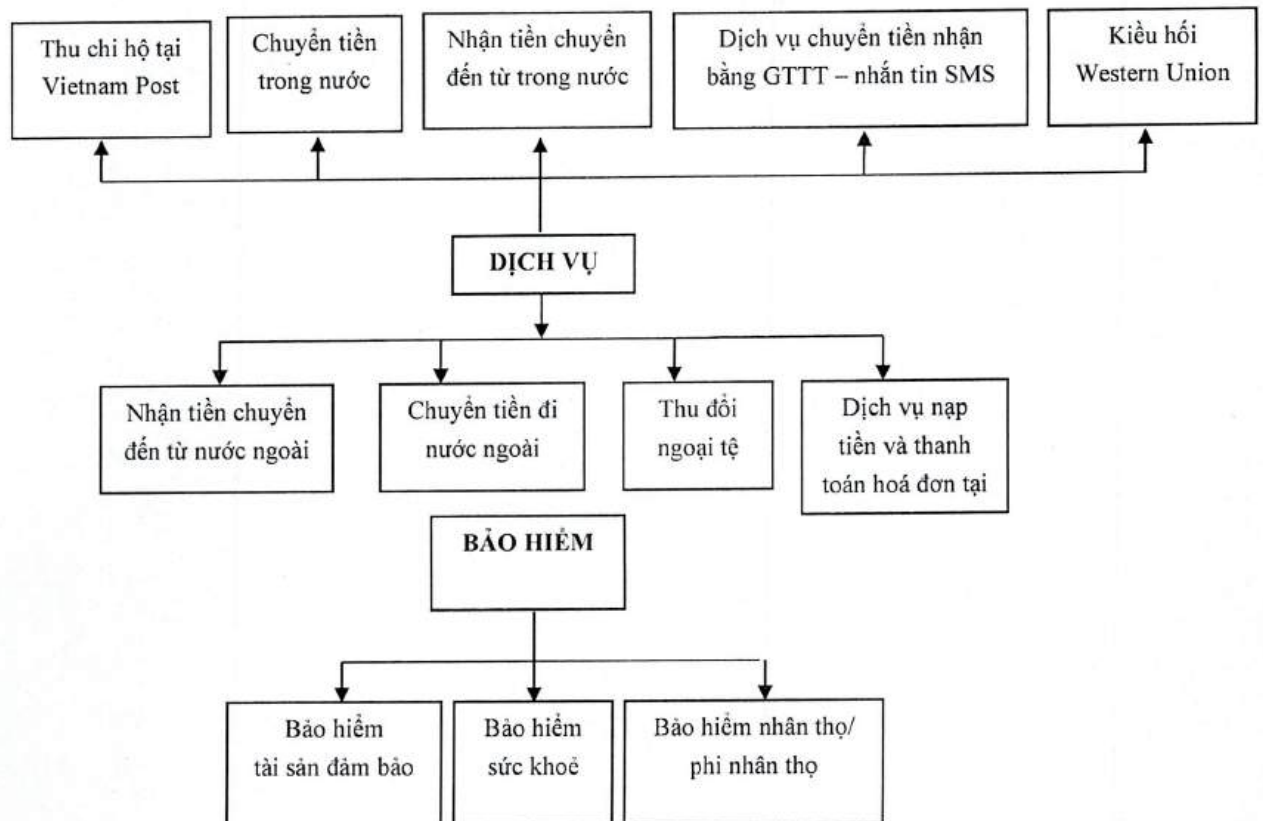


Dịch vụ & bảo hiểm

Nhằm đáp ứng nhu cầu của phân khúc KHCN cho mục đích tiêu dùng cũng như sản xuất kinh doanh, KienlongBank triển khai một số dịch vụ và sản phẩm bảo hiểm như:

- Thu chi hộ tại Vietnam Post
- Chuyển tiền đi trong nước
- Nhận tiền chuyển đến từ trong nước
- Dịch vụ chuyển tiền nhận bằng GTTT – nhắn tin SMS
- Kiểu hối Western Union
- Bảo hiểm sức khỏe
- Dịch vụ chuyển tiền nhanh liên ngân hàng
- Bảo hiểm tài sản đảm bảo
- Dịch vụ nhận tiền chuyển đến từ nước ngoài
- Dịch vụ chuyển tiền đi nước ngoài

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



• **Sản phẩm dịch vụ dành cho Khách hàng doanh nghiệp:**

Các dịch vụ và sản phẩm bao gồm:

Bảo lãnh:

- Bảo lãnh Ngân hàng
- Thu xếp tín dụng Cam kết tài trợ

Cho vay:

- Cho vay trung dài hạn đầu tư TSCĐ/dự án
- Cho vay SXKD đối với KHDN
- Cho vay thấu chi tài khoản KHDN
- Cho vay cầm cố giấy tờ có giá đối với khách hàng là tổ chức
- Cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn
- Cho vay đầu tư, kinh doanh chứng khoán
- Cho vay mua xe ô tô đối với KHDN
- Cho vay KHDN có tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ, vốn góp, quyền tài sản khác
- Cho vay Khách hàng để trả nợ trước hạn khoản vay tại TCTD khác

Tài trợ thương mại:

- Tài trợ nhập khẩu đối với KHDN
- Tài trợ thế chấp lô hàng (nhập khẩu và trong nước)

- Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng đối với KHDN
- Tài trợ xuất khẩu sau giao hàng bằng hình thức cho vay bảo đảm bằng khoản phải thu kèm bộ chứng từ xuất khẩu theo phương thức tín dụng chứng từ (L/C)
- Tài trợ xuất khẩu giao hàng bằng hình thức Chiết khấu hối phiếu kèm theo bộ chứng từ hàng xuất khẩu theo phương thức nhờ thu (D/P, D/A)
- Tài trợ xuất khẩu sau giao hàng bằng hình thức cho vay bảo đảm bằng khoản phải thu kèm bộ chứng từ xuất khẩu theo phương thức nhờ thu (D/P, D/A)
- Tài trợ xuất khẩu sau giao hàng bằng hình thức chiết khấu hối phiếu kèm theo bộ chứng từ xuất khẩu theo phương thức tín dụng chứng từ (L/C)

b. Cơ cấu doanh thu

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu của KienlongBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% tăng/ giảm	9T/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	7.779	87,94%	7.111	85,10%	-8,59%	6.154	86,01%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	544	6,15%	557	6,67%	2,39%	500	6,99%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	301	3,40%	432	5,17%	43,52%	173	2,42%
4	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	0,00%	4	0,05%	-	5	0,07%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	126	1,42%	27	0,32%	-78,57%	32	0,45%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	96	1,09%	225	2,69%	134,38%	291	4,07%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	8.846	100,00%	8.356	100,00%	-5,54%	7.155	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3/2025 tự lập của KienlongBank

Bảng 9: Cơ cấu doanh thu của KienlongBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% tăng/ giảm	9T/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	7.779	87,82%	7.111	84,96%	-8,59%	6.154	85,89%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	556	6,28%	575	6,87%	3,42%	515	7,19%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	301	3,40%	432	5,16%	43,52%	173	2,42%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% tăng/ giảm	9T/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
4	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	0,00%	-	0,00%	-	0	0,00%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	126	1,42%	27	0,32%	-78,57%	32	0,45%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	96	1,08%	225	2,69%	134,38%	291	4,06%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	8.858	100,00%	8.370	100,00%	-5,51%	7.165	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của KienlongBank

Bảng 10: Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% tăng/ giảm	9T/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Thu nhập lãi tiền gửi	305	3,93%	399	5,61%	30,53%	391	6,36%
2	Thu nhập lãi cho vay khách hàng	7.143	91,82%	6.231	87,62%	-12,76%	5.397	87,69%
3	Thu từ lãi kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	241	3,10%	145	2,05%	-39,74%	56	0,90%
4	Thu từ nghiệp vụ Bảo lãnh	11	0,15%	58	0,81%	404,35%	27	0,44%
5	Thu khác từ hoạt động tín dụng	78	1,01%	278	3,91%	254,88%	284	4,61%
	Tổng cộng	7.779	100,00%	7.111	100,00%	-8,59%	6.154	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của KienlongBank

Tổng thu nhập hoạt động năm 2024 của KienlongBank giảm nhẹ 5,51% so với năm 2023, chủ yếu do Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (nguồn thu cốt lõi chiếm tỷ trọng khoảng 86% tổng thu nhập hoạt động hàng năm) suy giảm trong bối cảnh lãi suất có xu hướng giảm. Trong đó, Thu nhập lãi cho vay khách hàng (chiếm tỷ trọng lớn nhất – 87,62%) năm 2024 giảm 12,76% so với năm 2023, nguyên nhân chủ yếu do lãi suất cho vay của Kienlongbank giảm theo xu hướng của thị trường và định hướng giảm mặt bằng lãi suất cho vay của NHNN. Bên cạnh đó, doanh thu từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư cũng giảm mạnh, góp phần làm giảm tổng doanh thu của Ngân hàng.

Tuy vậy, cơ cấu doanh thu của KienlongBank có những điểm sáng. Thu nhập từ dịch vụ tiếp tục tăng trưởng ổn định, phản ánh định hướng đẩy mạnh mảng phi tín dụng đang đi đúng hướng. Đặc biệt, doanh thu từ các hoạt động khác tăng hơn 130%, cho thấy Ngân hàng đã triển khai hiệu quả các biện pháp thu hồi nợ, xử lý tài sản và tối ưu các nguồn thu bổ sung.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, nhiều chỉ tiêu có dấu hiệu phục hồi: thu từ dịch vụ và hoạt động khác tăng tỷ trọng, trong khi thu nhập lãi duy trì vai trò chủ đạo và ổn định hơn so với năm trước. Diễn biến này cho thấy KienlongBank đang từng bước cải thiện chất lượng nguồn thu và củng cố nền tảng tăng trưởng, tạo điều kiện thuận lợi để doanh thu phục hồi tích cực trong phần còn lại của năm.

c. Cơ cấu lợi nhuận gộp:

Bảng 11: Cơ cấu Lợi nhuận gộp của KienlongBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% tăng/ giảm	9T/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng/ Lợi nhuận gộp	Giá trị	Tỷ trọng/ Lợi nhuận gộp		Giá trị	Tỷ trọng/ Lợi nhuận gộp
1	Thu nhập lãi thuần	2.008	73,47%	3.173	80,96%	58,02%	2.699	76,72%
2	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	494	18,08%	457	11,66%	-7,49%	448	12,73%
3	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	59	2,16%	42	1,07%	-28,81%	55	1,56%
4	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0,00%	4	0,10%	-	5	0,14%
5	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	82	3,00%	26	0,66%	-68,29%	32	0,91%
6	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	90	3,29%	217	5,54%	141,11%	279	7,93%
	Tổng cộng Lợi nhuận gộp	2.733	100,00%	3.919	100,00%	43,40%	3.519	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3/2025 tự lập của KienlongBank

Bảng 12: Cơ cấu Lợi nhuận gộp của KienlongBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% tăng/ giảm	9T/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
1	Thu nhập lãi thuần	2.038	73,26%	3.191	80,64%	56,58%	2.711	76,39%
2	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	513	18,44%	480	12,13%	-6,43%	472	13,30%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% tăng/ giảm	9T/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
3	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	59	2,12%	42	1,06%	-28,81%	55	1,55%
4	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0,00%	0	0,00%	-	0	0,00%
5	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	82	2,95%	26	0,66%	-68,29%	32	0,90%
6	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	90	3,24%	217	5,48%	141,11%	279	7,86%
	Tổng cộng Lợi nhuận gộp	2.782	100,00%	3.957	100,00%	42,24%	3.550	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của KienlongBank

Tổng thu nhập hoạt động năm 2024 của KienlongBank giảm 5,51% so với năm 2023; tuy nhiên, tổng chi phí tương ứng lại giảm mạnh 27,36%, qua đó giúp KienlongBank ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận gộp năm 2024 đạt 42,24% so với năm 2023. Kết quả này phản ánh nỗ lực của KienlongBank trong việc điều chỉnh giảm lãi suất huy động theo chủ trương của NHNN, đồng thời triển khai các giải pháp tiết giảm chi phí hoạt động nhằm tạo dư địa tiếp tục giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế. Nhờ đó, mặc dù thu nhập hoạt động suy giảm, lợi nhuận gộp năm 2024 vẫn ghi nhận mức tăng trưởng tích cực so với năm 2023.

Hoạt động khác cũng đóng góp tích cực với mức tăng 141,11%, cho thấy các biện pháp xử lý, thu hồi nợ và tối ưu tài sản của Ngân hàng đang được triển khai hiệu quả. Trong khi đó, các mảng phi tín dụng như dịch vụ, kinh doanh ngoại hối và chứng khoán đầu tư có diễn biến kém tích cực hơn: dịch vụ giảm 6,43%, ngoại hối giảm 28,81% và hoạt động chứng khoán đầu tư giảm 68,29% do tác động của thị trường và cạnh tranh trong ngành.

Kết thúc 9 tháng đầu năm 2025, cơ cấu lợi nhuận vẫn duy trì ổn định khi thu nhập lãi thuần tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, chiếm 76,39% tổng lợi nhuận gộp, trong khi hoạt động khác tiếp tục tăng trưởng và đóng góp tỷ trọng cao hơn. Diễn biến này phản ánh định hướng đúng đắn của KienlongBank trong việc củng cố nguồn thu cốt lõi và nâng cao chất lượng tài sản, đồng thời cho thấy Ngân hàng đang từng bước cải thiện hiệu quả hoạt động, tạo nền tảng thuận lợi để duy trì tăng trưởng lợi nhuận bền vững trong các kỳ tiếp theo.

10.1.2 Hoạt động huy động vốn

Ngân hàng đang tập trung khai thác thị trường nội địa với 100% nguồn vốn huy động hiện tại của KienlongBank đến từ thị trường trong nước.

a) Nguồn vốn huy động

Hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động chủ đạo trong quá trình vận hành kinh doanh của Ngân hàng. Nguồn vốn huy động của KienlongBank bao gồm:

- Tiền gửi và vay NHNN;
- Tiền gửi và vay các TCTD khác;
- Tiền gửi của khách hàng;
- Phát hành giấy tờ có giá.

Bảng 13: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	-	0,00%	-	0,00%	-	-	0,00%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	18.119	23,09%	15.126	18,32%	-16,52%	11.610	13,27%
Tiền gửi của khách hàng	56.898	72,50%	63.521	76,93%	11,64%	70.898	81,03%
Phát hành giấy tờ có giá	3.459	4,41%	3.928	4,76%	13,56%	4.983	5,70%
Tổng cộng	78.476	100,00%	82.575	100,00%	5,22%	87.491	100,00%
II. Trong nước/Ngoài nước							
Trong nước	78.476	100,00%	82.575	100,00%	5,22%	87.491	100,00%
Ngoài nước	-	0,00%	-	0,00%	-	0	0,00%
Tổng cộng	78.476	100,00%	82.575	100,00%	5,22%	87.491	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của KienlongBank

Tổng nguồn vốn huy động tại thời điểm cuối năm 2024 (theo số liệu hợp nhất) của KienlongBank đạt 82.575 tỷ VND, tăng 5,22% so với cuối năm 2023, trong đó:

- Tiền gửi của khách hàng chiếm 76,93% tổng nguồn vốn huy động. Nguồn vốn huy động từ Tiền gửi của khách hàng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn huy động là do tính chất tương đối ổn định và lãi suất huy động cạnh tranh, là yếu tố quan trọng để Ngân hàng đẩy mạnh hoạt động cho vay. Tính đến 31/12/2024, Tiền gửi của khách hàng đạt 63.521 tỷ VND (tăng 11,64% so với cuối năm 2023) nhờ KienlongBank thực hiện chiến lược phát triển phân khúc bán lẻ và gia tăng hiệu quả trong hoạt động huy động tiền gửi.
- Tiền gửi và vay các TCTD khác đạt 15.126 tỷ VND (trong đó chủ yếu là tiền gửi), chiếm 18,32% tổng nguồn vốn huy động, giảm 16,52% so với cuối năm 2023. Nguyên nhân giảm mạnh chủ yếu do KienlongBank chủ động cân đối nguồn vốn, tăng huy động từ thị trường 1 và giảm tiền vay/nhận tiền gửi từ thị trường 2. Trong năm 2024, KienlongBank phân bổ tỷ

trọng tiền gửi và các khoản vay chủ yếu tại các ngân hàng lớn, uy tín trên thị trường như TCB, VCB, SHB, LPB, SeABank,... Việc tập trung giao dịch với các TCTD có quy mô lớn, năng lực tài chính và vị thế vững chắc giúp KienlongBank nâng cao mức độ an toàn trong hoạt động liên ngân hàng, hạn chế rủi ro đối tác và đảm bảo tính ổn định của nguồn vốn. Đồng thời, cơ cấu này phản ánh định hướng quản lý thanh khoản thận trọng, phù hợp với điều kiện thị trường và mục tiêu phát triển ổn định, bền vững của KienlongBank.

Tại thời điểm 30/09/2025, tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của KienlongBank đạt 87.491 tỷ VND. Trong đó, Tiền gửi của khách hàng và Tiền gửi và vay các TCTD khác đạt lần lượt 81,03% và 13,27% tổng nguồn vốn huy động.

b) Huy động từ Phát hành Giấy tờ có giá

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng số dư giấy tờ có giá phát hành đạt 3.928 tỷ VND, tăng 13,56% so với cuối năm 2023, bao gồm chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu có kỳ hạn từ 03 đến 84 tháng. Việc phát hành giấy tờ có giá của KienlongBank không chỉ giúp bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn tương ứng với nhu cầu cho vay, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả mà còn giúp Ngân hàng đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường.

Tính đến hết 9 tháng đầu năm 2025, tổng số dư giấy tờ có giá phát hành đạt 4.983 tỷ VND.

c) Huy động từ tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, chiếm trung bình 77,74% tổng nguồn vốn huy động (theo số liệu hợp nhất) của KienlongBank trong giai đoạn 2023 - Quý 3/2025. Huy động từ tiền gửi khách hàng tăng trưởng liên tục, ổn định đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động đầu tư.

Bảng 14: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

TT	Khoản mục	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
	Tổng tiền gửi của khách hàng	56.898	100,00%	63.521	100,00%	11,64%	70.898	100,00%
1	Phân theo khách hàng							
-	Cá nhân	53.444	93,93%	60.037	94,52%	12,34%	68.067	96,01%
-	Tổ chức	3.454	6,07%	3.484	5,48%	0,87%	2.832	3,99%
2	Phân theo kỳ hạn							
-	Tiền gửi không kỳ hạn	3.416	6,00%	4.092	6,44%	19,79%	4.272	6,03%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	53.472	93,98%	59.420	93,54%	11,12%	66.617	93,96%
-	Tiền gửi ký quỹ	10	0,02%	9	0,01%	-10,00%	10	0,01%
3	Phân theo loại tiền							
-	VND	56.838	99,89%	63.468	99,92%	11,66%	70.833	99,91%
-	Ngoại tệ	60	0,11%	53	0,08%	-11,67%	65	0,09%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của KienlongBank

Về loại hình khách hàng, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi của KHCN, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng, trung bình đạt khoảng 94,42% tổng lượng tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2023 – Quý 3/2025. Điều này thể hiện sự ổn định của cơ cấu nguồn vốn huy động, phù hợp với chiến lược phát triển mảng Ngân hàng bán lẻ của KienlongBank trong những năm qua.

Về kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi có kỳ hạn của KienlongBank chiếm trung bình 93,77% tổng huy động từ tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2023 – 2024, đảm bảo tính ổn định cho nguồn vốn của toàn hệ thống. Tại thời điểm 30/09/2025, tiền gửi có kỳ hạn chiếm 93,96% tổng tiền gửi của khách hàng trong khi đó tiền gửi không kỳ hạn đạt mức 6,03%.

Về loại hình tiền tệ, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với tiền gửi ngoại tệ. Tỷ trọng tiền gửi nội tệ chiếm trung bình 99,91% tổng số dư tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2023 – Quý 3/2025.

10.1.3 Hoạt động tín dụng

a) Quy mô, cơ cấu và tăng trưởng tín dụng

Với mục tiêu phát triển bền vững, KienlongBank xác định tăng trưởng tín dụng phải gắn với huy động vốn, đồng thời phát triển dịch vụ cũng như kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và luôn đảm bảo tuân thủ theo các quy định của NHNN.

Xét về kỳ hạn các khoản vay:

Bảng 15: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Nợ ngắn hạn	30.074	58,08%	38.555	62,76%	28,20%	36.265	51,13%
2	Nợ trung hạn	17.963	34,69%	19.622	31,94%	9,24%	28.201	39,76%
3	Nợ dài hạn	3.746	7,23%	3.255	5,30%	-13,11%	6.456	9,10%
	Tổng	51.783	100,00%	61.432	100,00%	18,63%	70.922	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của KienlongBank

Tính đến cuối năm 2024, dư nợ cho vay của KienlongBank đạt 61.432 tỷ đồng, tăng 18,63% so với cuối năm 2023, trong đó nợ ngắn hạn tăng 28,20% và chiếm 62,76% tổng cơ cấu nợ, phản ánh nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động tín dụng và huy động khách hàng. Nợ trung hạn tăng 9,24% trong khi nợ dài hạn giảm 13,11%, cho thấy Ngân hàng vẫn duy trì cơ cấu nguồn vốn linh hoạt, ưu tiên huy động ngắn hạn nhằm tối ưu chi phí vốn.

Tại thời điểm 30/09/2025, dư nợ cho vay khách hàng của KienlongBank đạt 70.922 tỷ VND, tăng 9.490 tỷ đồng (tương ứng 15,45%) so với cuối năm 2024 và tăng 19.139 tỷ đồng (tương ứng 36,96%) so với cuối năm 2023. Trong đó tỷ trọng nợ trung hạn và dài hạn tăng, lần lượt chiếm 39,76% và 9,10% tổng dư nợ vay, trong khi nợ ngắn hạn giảm còn 51,13%. Diễn biến này phản ánh chiến lược chủ động của Ngân hàng trong việc tối ưu hóa cơ cấu nguồn vốn, tăng

tỷ trọng vốn trung và dài hạn để nâng cao an toàn thanh khoản, đồng thời đảm bảo năng lực đáp ứng nhu cầu tín dụng bền vững trong dài hạn.

Dư nợ cho vay trung và dài hạn của KienlongBank duy trì mức tăng trưởng ổn định và nằm trong hạn mức được NHNN cho phép. Ngân hàng luôn kiểm soát chặt chẽ tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn, với mức 23,56% tại ngày 31/12/2024 và 22,33% tại ngày 30/6/2025, đều thấp hơn ngưỡng 30% theo quy định của NHNN.

Xét về nhóm ngành cho vay:

Bảng 16: Dư nợ cho vay khách hàng theo nhóm ngành (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư tiêu dùng hộ gia đình	4.098	7,91%	3.922	6,38%	-4,32%	6.393	9,01%
2	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3.952	7,63%	4.713	7,67%	19,26%	4.099	5,78%
3	Hoạt động dịch vụ khác (*)	25.397	49,04%	12.419	20,22%	-51,10%	767	1,08%
4	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	0	0,00%	0	0,00%	-	6	0,01%
5	Lĩnh vực bất động sản (kinh doanh, tự sử dụng)	2.196	4,24%	9.109	14,83%	314,86%	7.831	11,04%
6	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và xe động cơ	7.676	14,82%	13.209	21,50%	72,09%	19.312	27,23%
7	Xây dựng	8.012	15,47%	17.516	28,51%	118,63%	30.558	43,09%
8	Vận tải kho bãi	180	0,35%	11	0,02%	-93,86%	24	0,03%
9	Công nghiệp chế biến, chế tạo	154	0,30%	310	0,50%	101,70%	610	0,86%
10	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	116	0,22%	122	0,20%	4,83%	1.175	1,66%
11	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	0	0,00%	29	0,05%	-	32	0,05%
12	Thông tin và truyền thông	2	0,00%	4	0,01%	141,38%	5	0,01%
13	Giáo dục và đào tạo	0	0,00%	30	0,05%	-	33	0,05%
14	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	0	0,00%	4	0,01%	-	2	0,00%
15	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	1	0,00%	3	0,01%	390,17%	10	0,01%

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
16	Khai khoáng	1	0,00%	9	0,01%	1053,83%	12	0,02%
17	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1	0,00%	10	0,02%	1720,71%	35	0,05%
18	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	0	0,00%	2	0,00%	-	10	0,01%
19	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	0	0,00%	13	0,02%	-	7	0,01%
	Tổng	51.783	100,00%	61.432	100,00%	18,63%	70.922	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của KienlongBank

(*) Hoạt động dịch vụ khác: Là các hoạt động dịch vụ không thuộc các nhóm ngành đã được liệt kê tại Bảng 15, đồng thời không thuộc các ngành, nghề bị cấm cho vay hoặc cấp tín dụng theo quy định hiện hành; các khoản cấp tín dụng này đáp ứng đầy đủ các điều kiện vay vốn theo quy định nội bộ của KienlongBank và quy định của pháp luật hiện hành.

Các khoản vay thuộc ngành nghề xây dựng và bán buôn - bán lẻ - sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ cho vay của KienlongBank. Các khoản vay phục vụ nhóm ngành nghề này chiếm tỷ trọng 50,01% cơ cấu dư nợ tín dụng tại thời điểm 31/12/2024 và 70,32% cơ cấu dư nợ tín dụng tại thời điểm 30/09/2025.

Trên cơ sở định hướng phát triển ngành nghề của các cơ quan Nhà nước và tình hình tăng trưởng của nền kinh tế, hằng năm KienlongBank đều ban hành Thông báo định hướng tín dụng làm cơ sở để các đơn vị kinh doanh tìm kiếm, phát triển khách hàng và cấp tín dụng phù hợp với chiến lược chung của Ngân hàng. Nhờ đó, cơ cấu tín dụng theo ngành nghề hiện nay được duy trì phù hợp với kế hoạch và chiến lược tín dụng tổng thể của KienlongBank.

Dư nợ ngành xây dựng tại KienlongBank tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây, phản ánh xu hướng chung của toàn hệ thống ngân hàng. Tỷ trọng dư nợ ngành xây dựng tăng từ 15,47% (tương đương 8.012 tỷ đồng tại 31/12/2023) lên 28,51% (tương đương 17.516 tỷ đồng tại 31/12/2024). Các nguyên nhân chính thúc đẩy tăng trưởng gồm:

- Phục hồi và tăng tốc của ngành xây dựng: Sau giai đoạn trầm lắng bởi Covid-19 và biến động kinh tế toàn cầu, ngành xây dựng ghi nhận sự phục hồi rõ nét, được hỗ trợ bởi dòng vốn đầu tư công lớn vào hạ tầng cũng như nhu cầu nhà ở cao tại các đô thị lớn như Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.
- Chính sách phát triển kinh tế: Việc đẩy mạnh các chính sách thúc đẩy tăng trưởng, đặc biệt ưu tiên vốn cho sản xuất – kinh doanh, đã gián tiếp tạo lực đẩy mạnh cho hoạt động thi công xây dựng, đầu tư cơ sở hạ tầng và các dự án dân dụng.
- Yếu tố nội tại của KienlongBank: Ngân hàng tăng cường ứng dụng công nghệ, tối ưu hóa chi phí vận hành và mở rộng danh mục khách hàng chất lượng trong ngành xây dựng, qua đó đóng góp tích cực vào tăng trưởng dư nợ và lợi nhuận.

Đối với nhóm ngành “hoạt động dịch vụ khác”, đây là nhóm ngành được phân loại theo Hệ

thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm các lĩnh vực không thuộc thương mại, sản xuất, xây dựng... Tỷ trọng dư nợ nhóm ngành này giảm trong năm 2024 so với năm 2023, chủ yếu do KienlongBank quản lý rủi ro thận trọng và cơ cấu lại danh mục tín dụng. Theo định hướng tín dụng được ban hành ngay từ đầu năm, KienlongBank chủ động điều chỉnh phân bổ vốn vào các lĩnh vực được ưu tiên và có mức độ rủi ro thấp hơn, qua đó giảm tỷ trọng cấp tín dụng đối với nhóm ngành “dịch vụ khác”.

Việc thay đổi tỷ trọng vốn cho các ngành phù hợp với kế hoạch phân bổ và định hướng chung của KienlongBank.

Xét về đối tượng khách hàng:

Bảng 17: Dư nợ cho vay khách hàng theo đối tượng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Công ty trách nhiệm hữu hạn	33.684	65,05%	42.429	69,07%	25,96%	51.531	72,66%
2	Công ty cổ phần	3.562	6,88%	4.909	7,99%	37,82%	4.721	6,66%
3	Hộ Kinh doanh, cá nhân	14.537	28,07%	14.094	22,94%	-3,05%	14.670	20,68%
	Tổng	51.783	100,00%	61.432	100,00%	18,63%	70.922	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3/2025 tự lập KienlongBank

Hiện tại, KienlongBank không tập trung cho vay đối với nhóm khách hàng lớn. Dư nợ cho vay khách hàng vừa và nhỏ chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong danh mục của KienlongBank, thể hiện rõ mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ theo đúng chủ trương của Chính phủ. Việc cho vay của KienlongBank luôn tuân thủ:

(1) Quy định về nhóm khách hàng có liên quan theo quy định của NHNN/ Luật TCTD (trong đó có quy định cụ thể tỷ lệ cho vay tối đa đối với 1 khách hàng và tỷ lệ cho vay tối đa đối với 1 nhóm khách hàng);

(2) Các giới hạn, các tỷ lệ an toàn và tỷ lệ về tập trung tín dụng theo quy định của NHNN.

KienlongBank cũng định hướng mở rộng, đa dạng hóa đối tượng khách hàng, trong đó đẩy mạnh phát triển cấp tín dụng/cho vay đối với các khách hàng hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề được cơ quan Nhà nước khuyến khích phát triển.

Đối với nhóm KHCN: được xác định là một trong những nhóm khách hàng mục tiêu, KienlongBank đã có những nỗ lực trong việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng này. Các dòng sản phẩm cho vay đối với cá nhân không ngừng được cải tiến và thiết kế phù hợp với các nhu cầu của khách hàng mà vẫn đảm bảo độ an toàn cho KienlongBank. Dư nợ cho vay đối tượng khách hàng hộ kinh doanh và cá nhân hợp nhất của KienlongBank đạt 14.094 tỷ VND tại thời điểm 31/12/2024 và 14.670 tỷ VND tại thời điểm 30/09/2025, chiếm lần lượt 22,94% và 20,68% tổng dư nợ cho vay theo số liệu hợp nhất.

Đối với KHDN: theo định hướng đa dạng hóa sản phẩm và số hóa các sản phẩm, dịch vụ tài chính nhằm mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Đặc biệt, đối với đối tượng KHDN

nhỏ và vừa, KienlongBank đã triển khai hàng loạt các gói tín dụng ưu đãi về lãi suất và phí giao dịch, góp phần thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng địa phương và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, tài trợ chuỗi tiếp tục thể hiện vai trò chủ lực, thương hiệu và lợi thế cạnh tranh của KienlongBank khi thiết lập quan hệ đến hơn 50 khách hàng là các tập đoàn, tổng công ty, các công ty đa quốc gia trong nhiều lĩnh vực khác nhau: sản xuất hàng tiêu dùng nhanh, chăn nuôi, nước giải khát, sắp thép, xăng dầu, hàng không và vận tải... qua đó có thể đẩy mạnh các giải pháp tài trợ cho các nhà phân phối, nhà thầu... từ những lĩnh vực này. Xét về loại hình doanh nghiệp, công ty trách nhiệm hữu hạn chiếm phần lớn tỉ trọng trong đối tượng KHDN nói riêng và đối tượng khách hàng nói chung. Dư nợ cho vay công ty trách nhiệm hữu hạn hợp nhất của KienlongBank đạt 42.429 tỷ VND tại thời điểm 31/12/2024 và 51.531 tỷ VND tại thời điểm 30/09/2025, chiếm lần lượt 69,07% và 72,66% dư nợ cho vay khách hàng theo số liệu hợp nhất.

b) Hoạt động bảo lãnh

Trong năm 2024, hoạt động bảo lãnh của KienlongBank ghi nhận mức tăng trưởng mạnh, với số dư bảo lãnh tại ngày 31/12/2024 đạt 4.131 tỷ đồng, gấp 10,29 lần so với cuối năm 2023. Kết quả này đến từ việc thị trường ghi nhận nhu cầu bảo lãnh gia tăng trong các lĩnh vực kinh tế, đồng thời KienlongBank chủ động mở rộng danh mục sản phẩm, nâng cao năng lực thẩm định và đẩy mạnh triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng trong hoạt động bảo lãnh.

Tại thời điểm 31/12/2024, cơ cấu hoạt động bảo lãnh của KienlongBank tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, chiếm 72,77% tổng dư nợ bảo lãnh. Tiếp theo là hoạt động và dịch vụ khác với 15,52%; lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 8,45%. Phần còn lại thuộc các lĩnh vực xây dựng, bán buôn – bán lẻ, kinh doanh bất động sản và một số ngành nghề khác, chiếm tỷ trọng không lớn trong cơ cấu chung.

Việc phát triển mạnh mẽ bảo lãnh không chỉ đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng mà còn góp phần gia tăng nguồn thu dịch vụ, phù hợp định hướng nâng cao tỷ trọng thu nhập ngoài lãi của ngân hàng. Nhờ đó, quy mô danh mục bảo lãnh được cải thiện đáng kể trong năm, tạo nền tảng cho KienlongBank tiếp tục phát triển bền vững mảng dịch vụ trong các giai đoạn tiếp theo.

Bảng 18: Tỷ trọng doanh thu từ hoạt động bảo lãnh trong tổng thu nhập hoạt động (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
1	Doanh thu từ hoạt động bảo lãnh	11	58	27
2	Tổng thu nhập hoạt động	8.858	8.370	7.165
3	Tỷ trọng (%)	0,13	0,69	0,38

Nguồn: KienlongBank

Tại thời điểm 30/09/2025, số dư bảo lãnh hợp nhất của KienlongBank đạt 2.926 tỷ VND.

c) Chất lượng nợ cho vay

Về phân loại dư nợ tín dụng, KienlongBank đặc biệt chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của Ngân hàng.

Bảng 19: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	50.158	96,86%	59.354	96,62%	18,33%	68.570	96,68%
Nợ cần chú ý	624	1,21%	838	1,36%	34,29%	984	1,39%
Nợ dưới tiêu chuẩn	230	0,44%	231	0,38%	0,43%	379	0,53%
Nợ nghi ngờ	320	0,62%	170	0,28%	-46,88%	483	0,68%
Nợ có khả năng mất vốn	451	0,87%	839	1,37%	86,03%	506	0,71%
Tổng cộng	51.783	100,00%	61.432	100,00%	18,63%	70.922	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của KienlongBank

Tính đến cuối năm 2024, danh mục tín dụng của KienlongBank tiếp tục duy trì chất lượng ổn định khi nợ đủ tiêu chuẩn chiếm 96,62% tổng dư nợ, tương đương với mức năm 2023. Điều này phản ánh nỗ lực của Ngân hàng trong công tác thẩm định, quản trị rủi ro và kiểm soát chất lượng tín dụng theo đúng định hướng của NHNN. Trong giai đoạn này, một số nhóm nợ có biến động: nợ cần chú ý tăng 34,29% do một số khoản vay xuất hiện dấu hiệu suy giảm khả năng trả nợ, trong khi nợ có khả năng mất vốn tăng 86,03%, chủ yếu đến từ việc rà soát và phân loại lại theo mức độ rủi ro thực tế. Ngược lại, nợ nghi ngờ giảm 46,88%, cho thấy công tác xử lý nợ của Ngân hàng đã mang lại hiệu quả tích cực.

Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3-5) tại thời điểm 31/12/2024 ở mức 2,02%, nằm trong ngưỡng an toàn theo quy định của NHNN và thể hiện sự chủ động của KienlongBank trong việc kiểm soát rủi ro tín dụng.

Đến ngày 30/09/2025, chất lượng tín dụng tiếp tục được duy trì khi nợ đủ tiêu chuẩn đạt 96,68%, tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức 1,93%, thấp hơn so với thời điểm cuối năm 2024. Một số nhóm nợ có xu hướng tăng như nợ nghi ngờ và nợ dưới tiêu chuẩn, phản ánh sự thận trọng trong phân loại nợ trong bối cảnh kinh tế còn nhiều biến động. Tuy nhiên, điểm tích cực là nợ có khả năng mất vốn giảm còn 0,71%, cho thấy công tác thu hồi và xử lý nợ tiếp tục được triển khai hiệu quả.

KienlongBank thực hiện nghiêm túc việc trích lập dự phòng rủi ro theo quy định, góp phần kiểm soát nợ xấu hiệu quả. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) hợp nhất đạt 78,97% tại 31/12/2024 và 78,15% tại 30/09/2025, phản ánh năng lực phòng ngừa rủi ro vững chắc.

Ngân hàng triển khai chiến lược quản trị rủi ro tín dụng toàn diện, nâng cao chuẩn mực thẩm định – phê duyệt, tăng cường giám sát nợ nhóm 2 và nhắc nợ định kỳ để hạn chế rủi ro từ sớm.

Đồng thời, KienlongBank hỗ trợ khách hàng thông qua cơ cấu nợ, miễn giảm lãi phí và duy trì dòng tiền; công tác xử lý nợ được thực hiện tập trung, linh hoạt từ thương lượng, xử lý tài sản bảo đảm đến bán nợ và biện pháp pháp lý nhằm tối ưu thu hồi.

Trong bối cảnh thị trường biến động, Ngân hàng duy trì cơ cấu nợ an toàn, sử dụng dự phòng để xử lý nợ kém khả năng thu hồi, củng cố nền tảng tài chính và đảm bảo hoạt động ổn định, bền vững.

Bảng 20: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2023	259	364	623
31/12/2024	526	454	980
30/09/2025	541	528	1.069

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của KienlongBank

Tại thời điểm 31/12/2024, dự phòng rủi ro cho vay khách hàng ghi nhận mức tăng 57,3% so với cuối năm 2023. Trong giai đoạn này, dự phòng có biến động tăng một phần là do nợ cần chú ý của Ngân hàng có biến động, tuy nhiên KienlongBank vẫn đảm bảo kiểm soát tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng ở mức thấp. Rủi ro tín dụng của Ngân hàng vẫn trong ngưỡng kiểm soát, đặc biệt thể hiện qua dư nợ có khả năng mất vốn giảm mạnh từ tháng 12/2024 đến tháng 9/2025. Trích lập dự phòng rủi ro tăng giúp KienlongBank chủ động củng cố bộ đệm dự phòng an toàn. Việc này cho phép Ngân hàng tăng sức chịu đựng trước các tổn thất bất thường do ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế vĩ mô.

Đồng thời, hoạt động phân loại nợ và trích lập dự phòng tại KienlongBank thực hiện tuân thủ đúng theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Nghị định 86/2024/NĐ-CP phương pháp trích lập dự phòng rủi ro của tổ chức tín dụng. Việc này không chỉ đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật mà còn là biện pháp đảm bảo an toàn trong hoạt động giúp Ngân hàng chủ động đối phó với rủi ro tín dụng.

Theo đó, tỷ lệ nợ xấu đối với các tài sản có rủi ro tín dụng của KienlongBank theo quy định của Thông tư 31 ở thời điểm cuối Quý 3/2025 được kiểm soát dưới 3%.

d) Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) hợp nhất của KienlongBank tại thời điểm 30/09/2025 là 13,44%, so với mức 12,27% tại thời điểm 31/12/2024. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng các quy định hiện hành của NHNN.

Bảng 21: Tỷ lệ an toàn vốn

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Tỷ lệ an toàn vốn – riêng lẻ	9,50%	12,00%	13,41%
Tỷ lệ an toàn vốn – hợp nhất	9,73%	12,27%	13,44%

Nguồn: KienlongBank, tỷ lệ tính theo Thông tư số 41

Quý II/2024, KienlongBank đã triển khai dự án Basel III nhằm nâng cao năng lực hệ thống quản trị rủi ro với sự tư vấn của KPMG. Đây là chuẩn mực quản trị rủi ro uy tín, được áp dụng rộng rãi trên thế giới và đang được hệ thống ngân hàng Việt Nam hướng tới. Trước đó,

KienlongBank cũng đã công bố hoàn thành Basel II trên cả 3 trụ cột, luôn bảo đảm tỉ lệ an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), qua đó giúp Ngân hàng nâng cao năng lực quản trị, lành mạnh tài chính và minh bạch trong hoạt động quản lý rủi ro và KienlongBank sẽ hướng đến triển khai áp dụng Basel II theo phương pháp nâng cao IRB (Internal Rating – Based) sẽ giúp ngân hàng tối ưu hóa chi phí vốn, nâng cao năng lực quản trị rủi ro và tài chính.

Với mục tiêu hướng tới sự phát triển toàn diện và bền vững, KienlongBank xác định việc triển khai và áp dụng Basel III là một phần trong tổng thể chiến lược dài hạn của Ngân hàng. Ngoài việc giúp duy trì tỉ lệ an toàn vốn thận trọng hơn, Basel III còn là nền tảng để KienlongBank thiết lập các chỉ số an toàn, giúp nhận diện, đo lường, kiểm tra sức chịu đựng đầy đủ đối với các loại rủi ro, nâng cao xếp hạng tín nhiệm, dễ dàng vươn mình tiếp cận với thị trường vốn quốc tế.

e) Rủi ro lãi suất

Rủi ro về lãi suất trên sổ ngân hàng là loại rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết hoạt động của KienlongBank phát sinh do: (i) chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; (ii) thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; (iii) thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; (iv) tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Để quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, KienlongBank đã ban hành đầy đủ quy chế, quy định và thiết lập các hạn mức (chênh lệch kỳ định lại lãi suất, thay đổi thu nhập lãi thuần), ngưỡng cảnh báo rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng đảm bảo tuân thủ quy định của thông tư 13/2018/TT-NHNN và nội bộ Ngân hàng. Từ năm 2023 đến thời điểm hiện tại, kiểm soát rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng tại KienlongBank luôn đảm bảo tuân thủ các hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng như được phê duyệt.

Bảng 22: Rủi ro lãi suất của Ngân hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	661	538	599
Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước	6.135	4.207	5.202
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	18.374	15.505	11.943
Cho vay khách hàng (*)	51.783	61.432	70.922
Chứng khoán đầu tư (*)	3.385	2.974	3.015
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	1.352	1.415	1.382
Tài sản Có khác (*)	5.942	7.184	5.816

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Tổng Tài sản	87.632	93.255	98.879
Nợ phải trả			
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	18.119	15.126	11.610
Tiền gửi của khách hàng	56.898	63.521	70.898
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	25	112	25
Phát hành giấy tờ có giá	3.459	3.928	4.983
Các khoản nợ khác	2.715	2.884	2.475
Tổng Nợ phải trả	81.216	85.571	89.991
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bảng	6.416	7.684	8.888
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng)	(363)	(8.134)	(6.921)
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bảng, ngoại bảng	6.053	(450)	1.967

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của KienlongBank

(*) Khoản mục này không bao gồm số dư dự phòng rủi ro.

10.1.4 Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Trong những năm gần đây, hoạt động Kinh doanh ngoại hối của KienlongBank đã phát triển mạnh mẽ. KienlongBank cung cấp các sản phẩm giao dịch ngoại tệ phục vụ nhu cầu đa dạng của khách hàng, bao gồm:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay (Spot): Cung cấp dịch vụ mua/bán ngoại tệ với tỷ giá tại thời điểm giao dịch, đáp ứng ngay nhu cầu thanh toán quốc tế, du học, du lịch, chữa bệnh, định cư hoặc các mục đích hợp pháp khác của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.
- Giao dịch ngoại tệ kỳ hạn (Forward): Cho phép khách hàng thỏa thuận và cố định tỷ giá tại thời điểm ký hợp đồng cho một giao dịch sẽ thực hiện trong tương lai. Sản phẩm giúp doanh nghiệp chủ động kế hoạch tài chính, phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá trong các hoạt động nhập khẩu – xuất khẩu hoặc thanh toán quốc tế.
- Giao dịch hoán đổi ngoại tệ (Swap): Hỗ trợ khách hàng thực hiện đồng thời hai giao dịch mua và bán cùng một loại ngoại tệ ở hai thời điểm khác nhau. Sản phẩm phù hợp với nhu cầu quản lý dòng tiền, cân đối nguồn vốn và tối ưu chi phí vốn ngoại tệ trong từng giai đoạn.

Các loại ngoại tệ kinh doanh chủ yếu của KienlongBank bao gồm USD, EUR, GBP, JPY, AUD, CAD, SGD, KRW và CHF. Mục đích chủ yếu của hoạt động kinh doanh ngoại tệ cụ thể là:

- Thực hiện các giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay với KHCN và KHDN nhằm đáp ứng nhu cầu hợp pháp của khách hàng.
- Quản lý trạng thái, số dư ngoại tệ và phòng ngừa các rủi ro về tỷ giá hối đoái cho Ngân hàng.
- Giao dịch trên thị trường liên ngân hàng nhằm tìm kiếm nguồn thu nhập thông qua chênh lệch tỷ giá và lãi suất.

Bảng 23: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm	9T/2025
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	301	432	43,52%	173
<i>Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay</i>	<i>169</i>	<i>334</i>	<i>97,63%</i>	<i>157</i>
<i>Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ</i>	<i>132</i>	<i>98</i>	<i>-25,76%</i>	<i>16</i>
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	242	390	61,16%	118
<i>Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay</i>	<i>17</i>	<i>24</i>	<i>41,18%</i>	<i>21</i>
<i>Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ</i>	<i>225</i>	<i>366</i>	<i>62,67%</i>	<i>97</i>
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	59	42	-28,81%	55

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của KienlongBank

Trong giai đoạn 2023–2025, lãi suất đồng USD duy trì ở mức cao trong khi lãi suất tiền đồng (VND) ở mức thấp. Đồng thời, tỷ giá USD/VND được Ngân hàng Nhà nước điều hành theo hướng tương đối ổn định trong nhiều thời điểm, khiến nhu cầu phòng ngừa rủi ro tỷ giá và lãi suất của khách hàng, chủ yếu là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu vay ngoại tệ, giảm so với các năm trước. Do đó, doanh số và thu nhập từ các sản phẩm phái sinh ngoại hối của KienlongBank bị thu hẹp.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh thị trường tài chính quốc tế diễn biến phức tạp và khó dự báo, KienlongBank chủ động ưu tiên kiểm soát rủi ro tỷ giá và lãi suất. Theo đó, KienlongBank phải thực hiện các giao dịch phái sinh nhằm cân đối trạng thái ngoại tệ và hạn chế rủi ro biến động bất lợi của thị trường, trong đó có những thời điểm phải giao dịch với mức giá có phát sinh chi phí cao hơn so với giai đoạn trước. Việc chủ động phòng ngừa rủi ro này giúp đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh của KienlongBank, song đồng thời làm chi phí hoạt động ngoại hối tăng so với giai đoạn trước.

Theo đó, lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối năm 2024 của KienlongBank đạt 42 tỷ đồng, giảm 28,81% so với năm 2023. Trong 9 tháng đầu năm 2025, lãi thuần từ hoạt động này đạt 55 tỷ đồng, cho thấy sự cải thiện nhất định so với cùng kỳ.

b) Hoạt động thanh toán trong nước

Mô hình thanh toán tập trung đã giúp KienlongBank tăng tính hiệu quả quản lý vốn của mình, đẩy nhanh tốc độ thanh toán, đảm bảo tuyệt đối an toàn, chính xác nguồn vốn cho khách hàng. Đồng thời, Ngân hàng cũng đã tham gia hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng với doanh số đi và đến năm 2024 đạt 4.970.222 tỷ VND, hệ thống thanh toán song phương đạt doanh số đi và đến năm 2024 là 59.439 tỷ VND. Kết thúc Quý 3 năm 2025, doanh số đi và đến của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng và hệ thống thanh toán song phương đạt lần lượt 5.468.468 tỷ VND và 11.564 tỷ VND. Bên cạnh đó, KienlongBank đã và đang đa dạng kênh thanh toán, phát triển nhiều dịch vụ và được khách hàng đánh giá cao.

c) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại

KienlongBank hiện đang thực hiện mô hình thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại tập trung, đây là cơ sở để dịch vụ này phát triển một cách an toàn, ổn định và đóng góp đáng kể trong thu nhập phi tín dụng của KienlongBank. Hoạt động này tại KienlongBank có doanh thu phí đạt 22,29 tỷ VND trong năm 2024 và 66,70 tỷ VND trong 9 tháng đầu năm 2025. Đây là dịch vụ an toàn, chính xác, với chất lượng dịch vụ cao (tỷ lệ điện thanh toán chuẩn - luôn trên 98%, cao hơn mức trung bình 94-95% của thị trường). Dịch vụ Swift Essential đem lại trải nghiệm tốt cho Khách hàng và tăng cường tính bảo mật, an toàn khi sử dụng dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của KienlongBank.

10.1.5 Hoạt động kinh doanh khác

a) Hoạt động đầu tư tài chính

Tổng giá trị đầu tư chứng khoán hợp nhất đạt 2.974 tỷ VND tại thời điểm 31/12/2024 và 3.015 tỷ VND tại thời điểm 30/09/2025. Trong đó, đầu tư trái phiếu Chính phủ chiếm 100% tổng danh mục đầu tư của KienlongBank.

Bảng 24: Hoạt động đầu tư tài chính (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chứng khoán đầu tư	3.385	87,13%	2.974	85,61%	-12,14%	3.015	85,78%
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	797	20,51%	1.298	37,36%	62,86%	1.344	38,24%
Trái phiếu Chính phủ	-	0,00%	1.298	37,36%	-	1.344	38,24%
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	797	20,51%	-	0,00%	-100,00%	-	0,00%
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.588	66,62%	1.676	48,25%	-35,24%	1.671	47,54%
Trái phiếu Chính phủ	2.588	66,62%	1.676	48,25%	-35,24%	1.671	47,54%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	500	12,87%	500	14,39%	0,00%	500	14,22%

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
<i>Đầu tư vào công ty con - Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Kiên Long</i>	500	12,87%	500	14,39%	0,00%	500	14,22%
Tổng cộng	3.885	100,00%	3.474	100,00%	-10,58%	3.515	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3/2025 tự lập của KienlongBank

Bảng 25: Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	797	23,55%	1.298	43,64%	62,86%	1.344	44,58%
<i>Trái phiếu Chính phủ</i>	-	0,00%	1.298	43,64%	-	1.344	44,58%
<i>Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành (*)</i>	797	23,55%	-	0,00%	-100,00%	-	0,00%
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.588	76,45%	1.676	56,36%	-35,24%	1.671	55,42%
<i>Trái phiếu Chính phủ</i>	2.588	76,45%	1.676	56,36%	-35,24%	1.671	55,42%
Tổng cộng	3.385	100,00%	2.974	100,00%	-12,14%	3.015	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của KienlongBank

Trong năm 2024, danh mục chứng khoán đầu tư của KienlongBank ghi nhận sự dịch chuyển giữa danh mục chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (AFS) và danh mục chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM). Cụ thể, quy mô danh mục HTM giảm từ 2.588 tỷ đồng xuống 1.676 tỷ đồng, trong khi danh mục AFS tăng thêm 1.298 tỷ đồng so với năm 2023. Sự dịch chuyển này xuất phát từ nhu cầu và định hướng quản lý danh mục đầu tư của KienlongBank trong từng thời kỳ phù hợp với điều kiện thị trường, nhằm tối ưu hiệu quả sinh lời, đồng thời đảm bảo vai trò của danh mục chứng khoán như một nguồn dự phòng thanh khoản ổn định. Bên cạnh đó, việc gia tăng tỷ trọng AFS cũng giúp KienlongBank nâng cao tính linh hoạt trong quản lý vốn, tạo điều kiện thuận lợi khi phát sinh nhu cầu sử dụng khác như bán hần/ thoái toàn bộ khoản đầu tư hoặc thực hiện các giao dịch repo với các đối tác trên thị trường liên ngân hàng.

(*) **Bảng 26: Chi tiết Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành tại thời điểm 31/12/2023:**

STT	Tên tổ chức phát hành	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá	Số dư tại 31/12/2023
1	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Nguyễn Bình	NBCCH21260	110	110
2	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Nguyễn Bình	NBCCH21260	290	288
3	Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Hoàng Long	HLCCH21260	290	288
4	Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Hoàng Long	HLCCH21260	110	110
Tổng cộng			800	797

Nguồn: KienlongBank

Trong hoạt động đầu tư tài chính, Kienlongbank luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản pháp luật liên quan, bảo đảm đúng giới hạn, tỷ lệ theo quy định; đồng thời quản lý chặt chẽ danh mục nhằm duy trì an toàn vốn, tính minh bạch và hiệu quả.

Tại các thời điểm 31/12/2024 và 30/09/2025, toàn bộ các khoản đầu tư trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành đã được thanh toán đầy đủ gốc và lãi trái phiếu, do đó KienlongBank không còn ghi nhận giá trị đầu tư đối với các khoản trái phiếu này.

Bảng 27: Kết quả Hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	9T/2025
	Lãi (lỗ) từ mua bán chứng khoán đầu tư	82	26	32
1	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	126	27	32
2	Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	43	1	0
3	Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(0,08)	0	0

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của KienlongBank

Đối với khoản lãi từ mua bán chứng khoán trong năm 2023, hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tư của KienlongBank ghi nhận lãi 82 tỷ đồng, chủ yếu phát sinh từ các giao dịch mua bán trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi trong danh mục đầu tư. Các khoản lợi nhuận được ghi nhận dựa trên chênh lệch giữa giá mua và giá bán tại thời điểm thực hiện giao dịch. Hoạt động này được Ngân hàng triển khai trên cơ sở quản trị danh mục đầu tư chủ động, phù hợp với diễn biến thị trường và chiến lược tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn. Chi tiết như sau:

STT	Loại chứng khoán	Thu nhập	Chi phí	Trích dự phòng	Lãi/lỗ
1	Trái phiếu	104	38	(0,08)	64
2	Chứng chỉ tiền gửi	22	5	0	18
	Tổng	126	43	(0,08)	82

Nguồn: KienlongBank

b) Hoạt động kinh doanh thẻ

Cùng với sự phát triển các sản phẩm của ngân hàng, sản phẩm và dịch vụ thẻ là một trong các sản phẩm dịch vụ được KienlongBank ưu tiên phát triển, nâng cấp về cả công nghệ, hệ thống lẫn tính năng sản phẩm, dịch vụ.

Đồng thời với việc phát triển sản phẩm, đầu tư hệ thống thẻ, KienlongBank luôn luôn chú trọng đến các biện pháp an toàn bảo mật, tuân thủ các tiêu chuẩn mới nhất của tổ chức thẻ trong nước và quốc tế như chip EMV Contactless, chip nội địa chuẩn VCCS, xác thực trực tuyến 3D Secure 2.0 đối với các giao dịch trực tuyến.

Trong năm 2025 và các năm tiếp theo, KienlongBank thực thi chiến lược trở thành Ngân hàng số hiện đại, thân thiện mang đến cho khách hàng hệ sinh thái các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số đa dạng từ các sản phẩm truyền thống được số hoá cho đến các sản phẩm thuần số để phục vụ tốt hơn và đồng hành với chủ trương "Chính phủ Việt Nam xác định mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực cạnh tranh toàn cầu".

c) Hoạt động Ngân hàng đại lý

Từ năm 2009 đến nay, KienlongBank đã thiết lập quan hệ đại lý với hệ thống ngân hàng rộng khắp trên thế giới (diễn hình như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Đức, ...) và triển khai dịch vụ thanh toán Quốc tế (TTQT) thông qua việc thiết lập mối quan hệ hợp tác song phương với các ngân hàng tại nhiều quốc gia trên thế giới bằng cách trao đổi SWIFT CODE. Mạng lưới ngân hàng đại lý của KienlongBank trải dài từ các khu vực Châu Âu, Châu Á đến Châu Mỹ với tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng đại lý đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn chặt chẽ về phòng chống rửa tiền theo quy định của luật pháp Việt Nam và quốc tế.

Hiện nay, KienlongBank đang chấp nhận thanh toán quốc tế cho nhiều loại ngoại tệ như: USD, EUR, KRW, SGD, HKD, CHF, CAD, JPY, AUD, GBP. Mạng lưới ngân hàng đại lý của KienlongBank không những đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của khách hàng mà còn phục vụ mục tiêu phát triển mạng lưới ngân hàng đại lý phủ rộng khắp toàn cầu, đáp ứng lộ trình tăng trưởng của KienlongBank.

10.2 Tài sản

10.2.1 Tài sản cố định hữu hình